

UBND HUYỆN THẠCH THẮT
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH YÊN

BÁO CÁO TỔNG HỢP
QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI
XÃ BÌNH YÊN, HUYỆN THẠCH THẮT, TỈNH HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2008-2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH YÊN

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

THẠCH THẮT THÁNG 7 NĂM 2008

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: “*Qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội xã Bình yên, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây giai đoạn 2006 – 2015, định hướng đến 2020*”
2. Cơ quan quản lý dự án: Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.
3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Bình yên.
4. Đơn vị tư vấn lập báo cáo dự án: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
5. Các cơ quan phối hợp:
 - Phòng Tài Chính – Kế hoạch Huyện Thạch thất.
 - Phòng Thống Kê Huyện Thạch thất
 - Các Phòng, Ban của Huyện Thạch thất.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bình yên, Huyện Thạch Thất.
7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2007.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của dự án

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội là khâu trung tâm của công tác kế hoạch hoá kinh tế quốc dân, thể hiện ý đồ nhất quán về phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ dài hạn, là sự cụ thể hoá Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là căn cứ để xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm của địa phương. Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội cũng là căn cứ để phối hợp hoạt động giữa các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế trên địa bàn, tránh sự chồng chéo, phát huy được thế mạnh của từng ngành, từng lĩnh vực, tạo ra sức mạnh tổng hợp của địa phương trong phát triển kinh tế xã hội.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, từ năm 1999 huyện Thạch Thất đã tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện đến năm 2010. Đến năm 2005 Huyện đã thực hiện rà soát điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện đến 2010 và định hướng đến 2020. Các định hướng phát triển kinh tế xã hội chung của Huyện theo các phương án quy hoạch đã đặt ra chỉ có thể trở thành hiện thực khi các mục tiêu và định hướng đó được triển khai thực hiện cụ thể trên phạm vi từng xã trong toàn huyện. Chính vì vậy, Ủy ban Nhân dân Huyện đã ra chủ trương và chỉ đạo các xã tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đến 2015 và định hướng đến 2020. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội xã Bình yên được triển khai thực hiện sẽ một mặt chỉ ra định hướng khai thác các tiềm năng thế mạnh thúc đẩy sự phát triển nhanh mạnh, vững chắc kinh tế xã hội của Bình yên trong những năm tới, đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội chung của Huyện theo đúng mục tiêu định hướng đã đặt ra.

2. Mục tiêu của dự án:

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Đánh giá đúng các tiềm năng lợi thế, các cơ hội và thách thức của xã Bình yên trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

- Xác định đúng hướng phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nhanh trên cơ sở khai thác hợp lý, có hiệu quả các tiềm năng và lợi thế của xã phù hợp với quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá và phương án Quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội của Huyện Thạch Thất đến năm 2010, định hướng đến 2020; đồng thời xác định bước đi và đề xuất các giải pháp thực hiện phương án quy hoạch khoa học và có tính khả thi.

- Tránh các mâu thuẫn và những chồng chéo trong quá trình phát triển, đảm bảo phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đánh giá đúng thực trạng và các nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của xã Bình yên .

Xác định các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của xã trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội Huyện Thạch Thất.

Xây dựng các luận chứng phương án phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu đến năm 2010, định hướng đến 2020 làm căn cứ cho xây dựng các kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm.

Xác định hướng đầu tư, các trọng điểm đầu tư và dự kiến danh mục các dự án đầu tư cho mỗi giai đoạn 5 năm trong cả thời kỳ.

Xây dựng các giải pháp phát triển kinh tế xã hội cũng như thực hiện quy hoạch.

3. Yêu cầu cần đạt được của dự án

Dự án phải được nghiên cứu toàn diện trên địa bàn xã; kế thừa sử dụng thông tin trong các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt, tránh trùng lặp, mâu thuẫn.

Các đề xuất về nội dung và giải pháp thực hiện quy hoạch phải mang tính khoa học, tính khả thi, luận giải rõ ràng và phù hợp quy hoạch phát triển chung của huyện.

Quy hoạch xác định và cụ thể hoá các mục tiêu đến năm 2010, định hướng đến 2020 trên tất cả các mặt kinh tế xã hội.

4. Phạm vi nghiên cứu của dự án

Việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Bình yên tập trung triển khai trong phạm vi sau đây:

- Phạm vi không gian: Trong phạm vi địa giới hành chính của xã Bình yên.
- Phạm vi thời gian: Quy hoạch được rà soát và điều chỉnh trong khoảng thời gian đến năm 2015, đặt trong tầm nhìn đến năm 2020.
- Phạm vi các ngành và lĩnh vực: Xác định mục tiêu, phương hướng và các phương án quy hoạch của tất cả các ngành và lĩnh vực chủ yếu của kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Bình yên.

5. Những căn cứ thực hiện điều chỉnh quy hoạch

- Căn cứ chỉ thị số 32/1998/CT-TTg ngày 23/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ về công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội thời kỳ đến 2010.

- Căn cứ vào Quyết định số 519/2002/QĐ-UBK ngày 26/8/2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư v/v ban hành tạm thời khung giá, định mức chi phí xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ngành, lãnh thổ; Thông tư số 05/1999/TT-UBK ngày 11/11/1999 và Thông tư số 05/2003/TT-UBK ngày 22/7/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ; văn bản số 1031/UBK-CLPT ngày 26/2/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư v/v hướng dẫn và giải thích khung giá, định mức xây dựng quy hoạch tổng thể.
- Quyết định số ngày của Ủy ban Nhân dân Huyện Thạch Thất về việc phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội xã Bình yên đến năm 2010, định hướng đến 2020.
- Các dự án quy hoạch chuyên ngành, các chương trình nghiên cứu, các báo cáo về phương hướng phát triển của các ngành và lĩnh vực của huyện Thạch Thất và các xã lân cận.
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Thạch Thất lần thứ và Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Bình yên nhiệm kỳ XXI
- Căn cứ vào các nguồn lực, tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của xã Bình yên giai đoạn 2000-2005.

6. Phương pháp thực hiện điều chỉnh quy hoạch

- Điều tra thống kê thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội, về khả năng nguồn lực và các điều kiện cho sự phát triển.
- Thu thập thông tin kinh tế - xã hội từ Phòng Thống kê và các phòng ban có liên quan.
- Nghe báo cáo, trao đổi và tổ chức hội thảo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại xã.
- Thu thập các thông tin kinh tế - xã hội từ các nguồn khác để đối chiếu, so sánh, và lựa chọn những tài liệu đáng tin cậy nhất phục vụ cho công tác quy hoạch.
- Sử dụng các phương pháp chuyên dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch như: Phương pháp chuyên khảo; Các phương pháp dự đoán và dự báo; Phương pháp cân đối; Phương pháp chuyên gia.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BÌNH YÊN GIAI ĐOẠN 2001 – 2007

I. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG VÀ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN CỦA XÃ BÌNH YÊN

1.1. Điều kiện từ nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Xã Bình Yên nằm ở phía Tây huyện Thạch Thất, với tổng diện tích tự nhiên là 1067,2 ha. Xã có phía Đông giáp với xã Kim Quan và xã Cần Kiệm; phía Tây giáp với xã Cổ Đông (thị xã Sơn Tây), Yên Bình (Lương Sơn- Hòa Bình); phía Nam giáp xã Thạch Hòa, Tân Xã; và phía Bắc giáp xã Lại Thượng và thị trấn Liên Quan.

. Với điều kiện vị trí địa lý khá thuận lợi, cách trung tâm thủ đô Hà Nội 30 km, liền kề thị xã Sơn Tây và Khu Công nghệ cao Hòa Lạc là điều kiện khá tốt giúp xã có thể tiếp nhận các điều kiện khoa học công nghệ, văn minh một cách thuận lợi.

Đặc biệt trên địa bàn xã còn có 2 trục đường lớn đi qua, đó là Quốc lộ 21A đi qua khu vực phía Tây Nam và đường tỉnh lộ 420 đi qua trung tâm xã. Đây là điều kiện giao thông hết sức thuận lợi giúp xã tăng cường các hoạt động giao thương, mở rộng quan hệ hợp tác, thúc đẩy sản xuất hàng hóa và giao lưu với thị trường Sơn Tây và đặc biệt là thị trường lớn Hà Nội, giúp tiêu thụ các nông phẩm chất lượng cao và vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ...

1.1.2. Địa hình

Bình Yên thuộc vùng bán sơn địa, đồi gò, chuyển tiếp của vùng núi Hòa Bình xuống đồng bằng sông Hồng nên có xu hướng dốc thoải về phía Nam, với độ cao trung bình từ 9-12m. Tuy nhiên, với địa hình gò đồi, địa chất không đồng nhất, một phần diện tích nằm trên nền đất sỏi ong cần cỗi, phần còn lại nằm trên vùng đất sét pha sạn, độ phì nhiêu kém. Trên địa bàn xã có nhiều đồi gò độc lập, thấp, thoải, độ dốc trung bình 3-8⁰, đã hình thành nhiều ao hồ nhỏ và vừa, thuận tiện cho việc khai thác nuôi trồng thủy sản.

Với đặc điểm địa hình như vậy nên Bình yên là địa phương rất đa dạng về ngành sản xuất như lâm nghiệp, nông nghiệp với dạng hóa cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là thực hiện các mô hình chuyển đổi, kết hợp trồng trọt với nuôi trồng thủy sản và thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng.

1.1.3. Khí hậu – Thủy văn

Giống như nhiều địa phương khác, Bình Yên cũng nằm trong đới khí hậu miền Bắc Việt Nam, là khu vực chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, hình thành 2 mùa rõ rệt, khí hậu nóng ẩm, nhiệt độ trung bình năm $23,8^{\circ}\text{C}$, lượng mưa trung bình từ 1620mm. Với đặc điểm khí hậu như vậy, hàng năm vào mùa hạ do có mưa nhiều, ít mưa vào mùa đông. Lượng bốc hơi bình quân năm khoảng 850mm, bằng trên 50% so với lượng mưa. Độ ẩm không khí trung bình hàng năm khoảng 83%, giữa các tháng trong năm biến động trong khoảng 80-85%. Độ ẩm không khí thấp nhất vào các tháng 11,12, tuy nhiên chênh lệch độ ẩm giữa các tháng trong năm không lớn.

1.1.4. Tài nguyên

- *Tài nguyên đất đai:* Với tổng diện tích đất tự nhiên 1067,2 ha, chủ yếu là đất nâu vàng trên phù sa cổ, đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ và đất đỏ vàng trên phiến sét. Với nhiều loại đất nên có thể bố trí được nhiều loại cây trồng ngắn ngày, dài ngày, cây công nghiệp, cây lương thực. Cơ cấu sử dụng đất hiện tại năm 2006 của xã được trình bày qua bảng 1.

Bảng 1. Cơ cấu sử dụng đất Bình Yên năm 2006

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu, %
1	Đất sản xuất nông nghiệp	479,4	44,92
	Đất trồng cây hàng năm	300,3	28,14
	Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản	9	0,84
	Đất lâm nghiệp	153	14,34
2	Đất phi nông nghiệp	581,3	54,47
	Đất ở	111,1	10,41
	Đất chuyên dùng	381,6	35,76
	Đất phi nông nghiệp khác	88,6	8,30
3	Đất chưa sử dụng	6,5	0,61
	Tổng cộng	1067,2	100,00

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Thạch Thất, tháng 10/2006.

Bảng 1 cho thấy, ở thời điểm hiện tại đất nông nghiệp của xã vẫn còn chiếm tỷ lệ khá lớn (44,92%) trong tổng diện tích đất tự nhiên của xã. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển kinh tế địa phương và cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, trên thực tế với dân số ngày càng tăng trong khi quỹ đất sản xuất là có hạn nên diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người ngày càng giảm. Do vậy, việc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả kinh tế cao là vấn đề cần được xem xét hết sức thận trọng,

nghiêm túc trong thời gian tới, đặc biệt là việc chuyển đổi đất canh tác sang các mục đích sử dụng khác. Mặc dù vậy trong thời gian tới đây xu hướng này là không thể tránh khỏi do việc mở rộng các tuyến giao thông hiện có: QL 21A, tỉnh lộ 420, và mở thêm một số tuyến đường mới; việc phát triển các cụm, điểm công nghiệp, khu đô thị sinh thái, các khu dân cư mới phục vụ cho công tác tái định cư của khu công nghệ cao và giãn dân trong xã.

- *Tài nguyên rừng*: Bình Yên không có rừng tự nhiên mà chỉ có rừng trồng với tổng diện tích 153,01 ha. Đất rừng của xã chủ yếu được trồng theo dự án PAM và rừng môi sinh.

- *Tài nguyên nước*:

+ Nguồn nước mặt cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi thả cá của xã ở Bình Yên chủ yếu là nguồn nước cung cấp qua hệ thống kênh mương từ hồ Đồng Mô, hồ Tân Xã và suối Linh Khiêu. Ngoài ra còn có các ao hồ đầm nằm rải rác ở ven làng, ngoài đồng với diện tích khoảng 9 ha.

+ Nguồn nước sinh hoạt: Hiện nay chưa có số liệu thống kê và đánh giá để phục vụ khai thác nước ngầm trong xã. Nguồn nước sinh hoạt của nhân dân chủ yếu lấy từ giếng khơi.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.

1.2.1. Dân số và nguồn lao động

Bảng 2. Hiện trạng dân số và lao động của xã Bình Yên.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
1	Tổng số dân	Người	7810	8112	8858	9130
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	2,0	2,37	1,82	2,09
3	Tổng số hộ	Hộ	1800	1953	2110	2290
	Tr. đó: Hộ Nông nghiệp		1320	1444	1570	1725
	Hộ phi nông nghiệp		480	510	540	565
4	Cơ cấu hộ theo lĩnh vực SX	%				
	Hộ nông nghiệp		73,33	73,94	74,41	75,33
	Hộ phi nông nghiệp		26,67	26,11	25,59	24,67
5	Tổng số lao động	Người	4233	4397	4800	4948
	Trong đó : Nữ		1882	1955	2135	2200
6	Tỷ lệ lao động nữ		44,46	44,46	44,48	44,46
7	Tỷ lệ lao động/ tổng số dân	%	54,20	54,20	54,19	54,19

Nguồn: Số liệu của phòng Thống kê huyện Thạch Thất, tháng 9/2006.

Theo số liệu của phòng Thống kê Huyện Thạch Thất, tính đến giữa năm 2006, tổng dân số trên địa bàn xã là 2.290 hộ với 9.130 nhân khẩu, được chia thành 9 thôn. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của xã thuộc loại cao so với nhiều xã trong huyện, năm 2003 là 2,37%, năm 2005 là 1,8%. Có thể thấy tình hình dân số và lao động của xã trong bảng 2.

Từ bảng 2 cho thấy số hộ nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số hộ của xã, chiếm tới 3/4 tổng số hộ và có xu hướng tăng lên.

Về lao động, số lao động trong tổng số nhân khẩu của xã trong những năm qua có sự thay đổi về số tuyệt đối nhưng số tương đối ít thay đổi, chiếm khoảng 54,2%. Lao động nam chiếm tỷ trọng lớn hơn lao động nữ và duy trì tương đối ổn định trong 5 năm qua, chiếm khoảng từ 54,52% đến 54,54%. Với nguồn lao động dồi dào như vậy sẽ rất thuận lợi cho phát triển những ngành cần nhiều lao động.

Về trình độ lao động, nhìn chung lao động của xã Bình Yên còn ở trình độ thấp, phần lớn chưa qua đào tạo, lao động chủ yếu thông qua kinh nghiệm.

1.2.2. Điều kiện thị trường

Như trên đã phân tích, Bình Yên với vị trí là địa phương có mạng lưới giao thông thuận lợi. Bên cạnh đó, Bình Yên nằm liền kề thị xã Sơn Tây, khu công nghệ cao Hòa Lạc và nhiều các xã trong huyện nên có thể thấy tiềm năng phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn xã là khá lớn.

- Nhiều đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn (6 đơn vị) ;
- Ba cơ quan của huyện đóng trên địa bàn: Ngân hàng NN & PTNN (Ngân hàng Hoà lạc); Bưu điện khu vực; Dịch vụ Bách hoá tổng hợp.

1.3. Đánh giá chung về các nguồn lực phát triển.

Từ các phân tích ở trên có thể thấy các thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã thời kỳ quy hoạch là cơ bản, bao gồm các yếu tố:

Vị trí địa lý : gần các trung tâm kinh tế, chính trị trong huyện, nhiều cơ quan huyện và đơn vị quốc phòng trên địa bàn, gần nhiều dự án lớn có ảnh hưởng tích cực, trực tiếp đến phát triển kinh tế xã hội của xã. Đặc biệt là liền kề khu công nghệ cao sẽ là điều kiện thuận lợi giúp xã có thể phát triển kinh tế nhanh nhờ tiếp cận các yếu tố mới trong phát triển kinh tế, nâng cao trình độ dân trí, văn hoá xã hội, lợi thế đặc biệt là phát triển ngành thương mại dịch vụ. Về mặt không tích cực đó là những vấn đề an ninh xã hội, môi trường sẽ phát sinh.

Hệ thống giao thông thuận tiện cho việc giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội đó là 2 trục đường lớn đi qua : Quốc lộ 21A đi qua khu vực phía Tây Nam và đường tỉnh lộ 420 đi qua trung tâm xã.

Bên cạnh đó, cũng còn tồn tại một số khó khăn, thách thức như: về cơ bản xã vẫn là địa phương thuần nông, đất đai kém màu mỡ, khó phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, trong khi đó lao động nông nghiệp chiếm tới hơn 80% tổng số lao động trong xã, tốc độ tăng dân số tự nhiên, cơ học cao; do ở cận kề các trung tâm đô thị nên quản lý xã hội phức tạp, tệ nạn xã hội trên địa bàn xã có xu hướng gia tăng.

II- ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BÌNH YÊN GIAI ĐOẠN 2001-2007

2.1. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế giai đoạn 2001-2007

2.1.1. Bức tranh chung về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Bình yên.

Bình yên được coi là một trong những xã vùng đồi của huyện Thạch thất, hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ chưa phát triển. Để có một nhận thức chung về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, cần xem xét về cơ cấu kinh tế của xã qua bảng 2 và tốc độ phát triển giá trị sản xuất của các ngành qua bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Giá trị sản xuất và cơ cấu giá trị sản xuất trên địa bàn qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
1. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành (triệu đồng)				
Tổng giá trị sản xuất	18620	27168	33327	38000
Công nghiệp và xây dựng	1060	3259	4500	5700
Nông-lâm nghiệp và thủy sản	13180	16898	19627	20900
Thương mại và Dịch vụ	4380	7011	9200	11400
2. Cơ cấu ngành (%)				
Tổng giá trị sản xuất	100,00	100,00	100,00	100,00
Công nghiệp và xây dựng	5,69	12,00	13,50	15,00
Nông-lâm nghiệp và thủy sản	70,78	62,20	58,89	55,00
Thương mại và Dịch vụ	23,52	25,81	27,61	30,00

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất

Trong tổng giá trị sản xuất năm 2000, ngành nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm trên 70%, công nghiệp và xây dựng chiếm phần rất nhỏ bé: 5,69%, thương mại dịch vụ khá khiêm tốn: 23,52%. Sau 6 năm (đến năm 2006) cơ cấu đó đã được cải thiện một bước đáng kể, tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 13,5% thương mại và dịch vụ chỉ chiếm 30% có nghĩa là tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tăng nhưng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng còn rất chậm. Tỷ trọng nông lâm nghiệp và thủy sản giảm đều từ 70% xuống 58%. Nếu xem xét thêm năm 2006 (mới chỉ là ước) ta có thể thấy xu thế biến đổi cơ cấu kinh tế của xã rất rõ nét.

Tuy nhiên, nếu so sánh với xu thế biến đổi chung của toàn huyện ta sẽ thấy vấn đề về tốc độ biến đổi của Bình Yên. Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và thủy sản bình quân của toàn huyện Thạch thất năm 2000 là 44,24% đến năm 2004 giảm xuống còn 25,85%, ngành công nghiệp và xây dựng từ 26,55% tăng lên đến 53,01%.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Bình Yên là đúng hướng và từng bước chắc chắn nhưng còn chậm so với xu thế chung chung của huyện.

Nếu so với một xã khá trong huyện như Đại đồng - diện tích tự nhiên 508 ha, dân số 9200 người, năm 2000 tổng giá trị sản xuất của Đại đồng chiếm 6,88% tổng giá trị sản xuất của toàn huyện, năm 2003 là 5,45%, năm 2005 là 4,59%. Trong khi đó xã Bình yên diện tích lớn hơn, dân số tương đương với tổng giá trị sản xuất 18620 triệu đồng năm 2000 thì Bình yên chiếm 4,31 % tổng giá trị sản xuất của toàn huyện¹, năm 2003 là 27168 triệu đồng, chiếm 3,72 %, năm 2005 là 33327 triệu đồng chiếm 2,87 %.

Những con số đó nói lên tốc độ phát triển của Bình yên chậm hơn so với tốc độ phát triển chung của huyện, tỷ trọng đóng góp của Bình Yên vào tổng giá trị sản xuất đang giảm dần với tốc độ ngày càng nhanh. Điều đó chỉ rõ nguy cơ tụt hậu của Bình Yên là rất cao.

Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ nét và mạnh mẽ là sự tăng trưởng kinh tế của cả xã cũng như của các ngành. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2000-2006 của tổng giá trị sản xuất là 12,1%/năm. trong khi đó của toàn huyện là 22% (trang13- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thạch thất...).

Tổng giá trị sản xuất của ngành nông lâm nghiệp và thủy sản giảm về tỷ trọng trong tổng giá trị sản xuất nhưng vẫn tăng về số tuyệt đối, tốc độ tăng trưởng bình quân của giai đoạn 2000-2006 là 8,3% đây là tốc độ tương đối cao so với các xã khác

¹ Tổng giá trị sản xuất của huyện Thạch thất (theo giá hiện hành) năm 2000 là 432052 triệu đồng; năm 2003 là 730019 triệu đồng; năm 2005 là 1162300 triệu đồng (QH Huyện Thạch thất).

trong huyện, chứng tỏ sự phát triển vững chắc của nông lâm nghiệp và thủy sản. (Xem bảng 4 dưới đây)

Bảng 4. Tổng giá trị sản xuất theo giá cố định năm 1994 và Tốc độ tăng trưởng bình quân qua các giai đoạn

Các ngành	Tổng giá trị sản xuất (tr.đ)			Tốc độ tăng trưởng BQ (%)		
	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2006	2000-2003	2003-2006	2000-2006
Công nghiệp và xây dựng	737	2265	3127	45,5	17,5	33,5
Nông nghiệp và thủy sản	9691	12425	14432	8,5	7,8	8,3
Thương mại & dịch vụ	2822	4517	5928	17,0	14,6	16,0
Tổng giá trị sản xuất	13250	19027	23487	12,8	11,1	12,1

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất

Trong các ngành của xã Bình yên giai đoạn 2000-2007 công nghiệp và xây dựng tăng nhanh là do khởi điểm của ngành là rất thấp từ 737 triệu năm 2000 lên 3127 triệu, trung bình mỗi năm tăng 478 triệu (33,5%); Trong khi đó nông và thủy sản trung bình mỗi năm tăng 948,2 triệu đồng (nhưng chỉ là 8,3%); thương mại dịch vụ 621,2 triệu đồng (16%). Tổng giá trị sản xuất toàn xã mỗi năm tăng 2047,4 triệu đồng (12,1%).

Như vậy, ngành nông và thủy sản tuy tỷ trọng trong tổng giá trị sản xuất của xã giảm nhưng về số tuyệt đối vẫn tăng lớn nhất, thậm chí lớn hơn ngành thương mại và dịch vụ. Điều đó chứng tỏ quy mô hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ của xã còn rất nhỏ bé.

Đánh giá chung : giai đoạn 2000-2007 cơ cấu kinh tế - xã hội của Bình yên đã có những chuyển biến rõ nét theo hướng tích cực. Tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp và thủy sản giảm và công nghiệp và dịch vụ tăng đáng kể. Năng suất lao động trong các ngành và tổng giá trị sản xuất bình quân đầu người tăng tương đối nhanh. Tuy nhiên ba năm đầu của thời kỳ tăng nhanh hơn, sau đó có xu hướng chậm dần, xu hướng đó biểu hiện ở cả 3 ngành. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, các chỉ tiêu còn thấp hơn so với trung bình chung của toàn huyện.

2.1.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp được coi là một trong những thế mạnh của xã Bình yên trong Huyện Thạch Thất vì ở đây có trình độ thâm canh cây trồng tương đối cao xuất phát từ đặc điểm : diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người không cao : 525,08

m² đất nông nghiệp/người (479,4 ha/9130 người) đất đai thuộc nhóm đất sét pha sỏi, độ phì nhiêu màu mỡ không cao, nhưng năng suất lúa, ngô, đậu tương khá cao.

Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và thủy sản tăng trung bình hàng năm là 8,3%; nhưng hai năm cuối tăng với tốc độ 7,8% , tức là tốc độ phát triển của ngành này có xu hướng chậm dần có nghĩa là tiềm năng sản xuất hiện nay đã được khai thác ở mức cao... đồng thời ngành thủy sản bị thu hẹp diện tích do quy hoạch của Chính phủ (Xem bảng 5).

Bảng 5 . Giá trị sản xuất theo giá cố định và tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp

Các ngành	Tổng giá trị sản xuất (tr.đ)			Tốc độ tăng trưởng BQ (%)		
	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2006	2000- 2003	2003- 2006	2000- 2006
Trồng trọt	5346	6304	6985	5,7	5,3	5,5
Chăn nuôi	4051	5791	7207	12,7	11,6	12,4
Thủy sản	294	331	240	4,2	-14,8	-4,0
Tổng giá trị sản xuất	9691	12425	14432	8,6	7,8	8,3

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất

Phong trào xây dựng mô hình cánh đồng 50 triệu đồng /năm đã đạt những thành công nhất định. Hai công thức luân canh mà xã đã áp dụng là : *Lúa xuân muộn - Lúa mùa sớm - dưa chuột đông* và *Lúa xuân muộn – Lúa mùa sớm - lạc đông* . Với diện tích thí điểm là 8,3 ha các mô hình này đã cho tổng thu trên 50 triệu đồng /ha/năm². Giai đoạn 2000-2005

Cơ cấu tổng giá trị sản xuất của nông nghiệp và thủy sản giai đoạn 2000-2006 có nhiều tiến bộ. Ngành trồng trọt đang dần nhường chỗ cho chăn nuôi và thủy sản. Năm 2000, tỷ trọng trồng trọt chiếm 55,16%, đến năm 2005 đã xuống dưới 50 %. Ngành chăn nuôi năm 2000 chiếm 41, 8% đến năm 2005 đã lên gần 50 % đến 2006 chiếm trên 50% (Xem bảng 6).

² BC kết quả thực hiện chuyển đổi mô hình ... của UBND Huyện số 27/BC - UBND

Bảng 6. Kết quả hoạt động sản xuất nông nghiệp và thủy sản

Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
1. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành (triệu đồng)				
Tổng giá trị sản xuất	13180	16898	19627	20900
Trong đó : Trồng trọt	7270	8572	9500	10000
Chăn nuôi	5510	7876	9800	10550
Thủy sản	400	450	327	350
2. Cơ cấu ngành (%)				
Tổng giá trị sản xuất	100,00	100,00	100,00	100,00
Trong đó : Trồng trọt	55,16	50,73	48,40	47,85
Chăn nuôi	41,81	46,61	49,93	50,48
Thủy sản	3,03	2,66	1,67	1,67

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất

Ngành trồng trọt

Giảm diện tích canh tác và tăng cường thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, thay đổi cơ cấu cây trồng, tăng giá trị sản phẩm là xu thế chung của ngành trồng trọt của cả nước. Bình yên cũng không nằm ngoài xu thế đó. Từ năm 2000 đến 2006 diện tích đất canh tác lúa của xã giảm trên 100 ha (giảm 18%). Diện tích đó đã được chuyển thành đất sản xuất công nghiệp là chính (xem bảng 17. Biến động sử dụng đất).

Sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất đó đã làm sản lượng lúa giảm mỗi năm khoảng 500 tấn thóc (100 ha x 50 tạ/ha). Trong tương lai xu hướng đó sẽ còn tiếp tục diễn ra do quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá. Tuy nhiên, về giá trị sản phẩm trồng trọt năm 2005 so với năm 2000 vẫn tăng 5,5% nhờ có tăng năng suất lúa, tăng diện tích cây đậu tương và cây ngô. Xem bảng 7 diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng chính qua các năm sẽ làm rõ thêm vấn đề này.

Vấn đề cơ bản có thể nêu lên qua bảng 7 là :

- + Diện tích gieo trồng lúa giảm trên 50 ha do quy hoạch khu CNC Hoà lạc
- + Diện tích cây ngô ổn định, cây đậu tương tăng nhanh do năng suất đậu tương có nhiều khả quan
- + Năng suất cây trồng nói chung của xã Bình yên đã đạt đến đỉnh cao và ổn định. Ta có thể so sánh năng suất lúa, ngô và đậu tương của xã Bình yên với năng suất

lúa, ngô, đậu tương của tỉnh Hà tây và của xã Đại đồng trong huyện năm 2006 qua bảng 8 dưới đây.

Bảng 7. Diện tích, năng suất , sản lượng cây trồng chính qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
Diện tích gieo trồng lúa	Ha	567	460	461	465
Năng suất bình quân	tạ/ha	44	51,5	54	52,4
Sản lượng cả năm	tấn	2056	2369	2489,4	2436,6
Diện tích gieo trồng Ngô	Ha	13	7	17	37
Năng suất bình quân	tạ/ha	36	40	39	38
Sản lượng cả năm	tấn	46,8	28	66,3	140,6
Diện tích cây lạc	Ha	85	85	74	77
Năng suất bình quân	tạ/ha	11,5	15	18	16
Sản lượng cả năm	tấn	98	127,5	133,2	123,2
Diện tích cây đậu tương	Ha	22	18	35	50
Năng suất bình quân	tạ/ha	15	19	20	17
Sản lượng cả năm	tấn	33	34,2	70	85

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất

Năng suất cây trồng của Bình yên nói chung thấp hơn năng suất cây trồng bình quân của tỉnh và của những xã đồng bằng. Đó là điều dễ hiểu vì đất đai ở Bình yên không phải màu mỡ. Tuy nhiên năng suất cây đậu tương cao hơn năng suất bình quân của tỉnh và diện tích đang được ngày càng mở rộng.

Bảng 8. Năng suất bình quân năm 2006 của một số cây trồng của xã Bình yên, xã Đại đồng và tỉnh Hà tây

	Đơn vị tính : tạ/ha		
	Xã Bình yên	Xã Đại đồng	Tỉnh Hà tây
Năng suất Lúa bình quân	54	62	57,2
Năng suất Ngô bình quân	39	43	45,9
Năng suất đậu tương bình quân	20	21	15,45

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất, Niên giám thống kê 2005 -Tổng cục Thống kê

Bình yên là một trong 4 xã được UBND Huyện Thạch thất chọn làm thí điểm trong kế hoạch xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/ha. Với tổng diện tích 8,3 ha trên 4 xã (Đại đồng 5 ha; Di nậu 3,5 ha, **Bình yên 8,3 ha**, Hạ bằng 3,2 ha), Bình yên đạt 5 ha với hiệu quả kinh tế đạt 56 triệu đ/ha/năm.

Tóm lại, về trình độ thâm canh trong ngành trồng trọt của Bình yên rất cao, có thể xếp vào bậc nhất nhì trong tỉnh Huyện và tỉnh. Tiềm năng mở rộng diện tích cánh đồng 50 triệu/ha/năm còn nhiều.

Ngành chăn nuôi

Các hoạt động chăn nuôi trâu bò, lợn, gà được thực hiện tại các gia đình, quy mô nhỏ lẻ, không tập trung. Trong giai đoạn 2000-2006 ngành chăn nuôi có nhiều biến động không ổn định do nhiều nguyên nhân khách quan (xem bảng 9).

Bảng 9. Quy mô đàn gia súc gia cầm qua các năm

Đơn vị tính : con

Loại gia súc gia cầm	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
Đàn trâu	761	400	276	172
Đàn bò	560	850	1220	1376
Đàn lợn	2510	5714	6820	4850
Gia cầm	32000	62000	29300	46240

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất

Đàn trâu giảm vì hiện nay không dùng hoặc ít dùng trâu vào việc cày kéo nhờ có máy móc đảm nhiệm khâu làm đất và vận tải. Đàn bò tăng do nhu cầu thị trường bò lấy thịt quy mô nhỏ lẻ trong các hộ gia đình nhưng tốc độ tăng khá nhanh. Đàn lợn tăng nhanh nhưng không ổn định vì hiệu quả không cao, hơn nữa không có khả năng nuôi quy mô lớn vì vấn đề chuồng trại và ô nhiễm môi trường, các hộ dân sống liền kề nhau trên không gian hẹp, năm 2006 dự kiến đàn lợn bị giảm sút nghiêm trọng; đàn gia cầm chịu ảnh hưởng của dịch cúm H5N1 nhưng dự kiến năm 2006 có xu hướng khôi phục nhanh... Nếu xem xét trong giai đoạn 2000-2006 thì Năm 2003-2004 là năm được mùa nhất của ngành chăn nuôi ở Bình yên.

Ngành thủy sản : Diện tích mặt nước chuyên nuôi trồng thủy sản năm 2003 là 12 ha năm 2005 giảm 3 ha do Chính phủ quy hoạch khu công nghệ cao Hoà lạc. Diện tích nuôi thủy sản trên các chân ruộng khoảng 9-10 ha.³ Tuy nhiên tổng giá trị sản

³ Theo BC Tình hình thực hiện NQ ĐH Đảng bộ xã ... lần thứ XX trang 3, diện tích nuôi thủy sản của xã là 21,3ha

xuất thủy sản của xã còn rất nhỏ (240 triệu) nếu tính bình quân cho 1 ha mặt nước, chưa đạt 30 triệu/ha/năm. Chứng tỏ : năng suất chăn nuôi thủy sản /ha còn thấp ; công tác chuyển đổi mô hình lúa-cá chưa phát triển. Nếu so với xã Đại đồng cùng với diện tích nuôi trồng thủy sản 12 ha (năm 2005) nhưng giá trị sản xuất thủy sản của Đại đồng đạt 4068 triệu đồng.

Trong quá trình chuyển đổi các mô hình, theo Báo cáo Kết quả thực hiện chuyển đổi ... của Phòng nông nghiệp huyện năm 2005⁴ ; xã Bình yên không có mô hình nào.

Trong khi đó, theo kết quả điều tra của phòng nông nghiệp huyện cũng trong báo cáo nói trên, các mô hình chuyển đổi của huyện có tỷ lệ trung bình diện tích cho thả cá là 60,1%; diện tích lúa chỉ chiếm 16%; Tổng thu nhập từ nuôi cá trung bình chiếm 37,2% nhưng thu nhập ròng về cá chiếm 58%; điều đó có nghĩa là chăn nuôi thủy sản mang lại hiệu quả cao hơn nhiều so với trồng lúa. Qua phỏng vấn các chủ trang trại cho thấy nguồn thu chủ yếu ở trang trại là từ hoạt động nuôi thủy sản và thủy cầm.

Tuy nhiên, diện tích mặt nước nuôi thủy sản ở Bình yên chỉ dừng lại ở những ao hồ chuyên nuôi thủy sản, mặc dù khả năng mở rộng diện tích mặt nước nuôi thủy sản ở trên những diện ruộng trũng còn nhiều khả năng.

Về tổ chức sản xuất : Phong trào xây dựng cánh đồng 50 triệu là điểm nổi bật của Bình Yên trong 5 năm qua và đã thu được kết quả tốt và nhiều kinh nghiệm quý. Xây dựng các mô hình mới trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi thủy sản là điểm không mạnh của xã Bình yên trong 5 năm qua. Chủ trương của Huyện ủy Huyện Thạch thất về chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp nhằm “phá thế độc canh cây lúa, tăng nhanh khối lượng hàng hóa, tăng thu nhập trên 1 ha canh tác, đồng thời giải quyết một phần lao động việc làm” chưa được hiện thực hoá ở Bình Yên . Số mô hình chuyển đổi của Bình yên không có.

Sự đa dạng hóa của các mô hình : Do nhu cầu của xã hội ngày càng tăng, hoa và cây cảnh dần trở thành nhu cầu tiêu dùng của đông đảo người dân nhất là dân cư vùng đô thị.. Mô hình trồng cây cảnh kết hợp dịch vụ vui chơi giải trí ở Bình yên đã xuất hiện đó là một mô hình mới rất đáng quan tâm và có khả năng phát triển mạnh trong bối cảnh công nghiệp hoá và đô thị hoá.

Đánh giá chung : Ngành nông nghiệp và thủy sản của địa phương đã được các cấp lãnh đạo quan tâm đúng mức. Tốc độ tăng trưởng chung ở mức trung bình của

⁴ Năm 2005 Phòng Nông nghiệp huyện tiến hành tổng kết công tác chuyển đổi... Trong báo cáo có đưa ra kết quả điều tra năm 2003 là 15 hộ , năm 2004 là 17 hộ.

huyện. Lợi thế về lúa, đậu tương chất lượng cao đã bắt đầu được khai thác. Cánh đồng 50 triệu/ha/năm đã và đang được xây dựng có hiệu quả. Ngành chăn nuôi phát triển tương đối ổn định mặc dù có nhiều yếu tố không thuận lợi.

Tuy nhiên công tác chuyển đổi còn hạn chế, ngành thủy sản chưa được tổ chức phát huy do công tác xây dựng các mô hình còn hạn chế.

2.1.3. Thực trạng phát triển công nghiệp và xây dựng

(Xem bảng 10 dưới đây)

Bảng 10. Tình hình sản xuất ngành công nghiệp và xây dựng

(theo giá năm 1994)

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2006	Tốc độ tăng trưởng BQ giai đoạn (%)	
					2003-2006	2000-2006
Tổng giá trị sản xuất	Tr. đ	737	2265	3127	17,5	33,5
+ Số doanh nghiệp CN	DN	2	3	5	29	8,5
- Số lao động	người	38	45	45	5,41	3,5
+ Số hộ sx tư nhân trong các ngành CN	hộ	27	66	67	0,75	20
- Số lao động trong các hộ		33	311	335	3,79	60
- Ngành sản xuất đồ mộc						
Số hộ	hộ	5	23	25	4,26	38
Số lao động	người	10	118	120	0,84	65
- Ngành chế biến lương thực, thực phẩm						
Số hộ	hộ	10	13	12	-3,92	4
Số lao động	người	11	64	70	4,58	45
- Ngành cơ kim khí						
Số hộ	hộ	8	15	15	0,00	13
Số lao động	người	8	75	80	3,28	59
- Ngành sản xuất VLXD						
Số hộ	hộ	4	15	15	0,00	30
Số lao động	người	4	54	65	9,71	75

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất

Các hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp của xã bao gồm những nghề có tính truyền thống như: Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất cơ khí, kim khí, chế biến gỗ, sản xuất đồ mộc gia dụng. Toàn xã có 5 công ty TNHH, còn lại hoạt động của các hộ gia đình. Trong giai đoạn 2000-2005 tổng giá trị sản xuất của ngành tăng trung bình

33,5% một năm; số hộ tham gia ngành này cũng có xu hướng tăng nhanh và ổn định. Thực trạng đó đã phản ánh : quy mô sản xuất của các hoạt động công nghiệp của xã ngày càng tăng (ngày càng làm ăn lớn hơn), số lao động được thu hút vào ngành này ngày càng nhiều, ...

Ngành sản xuất đồ mộc được coi là ngành có nhiều triển vọng của xã : có kinh nghiệm sản xuất, có nguồn lao động kỹ thuật cao cộng với nhu cầu xây dựng ngày càng tăng của nhân dân trong xã và trong huyện về đồ mộc. Nếu nhìn tốc độ tăng về lao động của ngành này qua 5 năm thì thấy tốc độ tăng không bằng ngành sản xuất VLXD, nhưng số người tham gia vào lĩnh vực này là lớn nhất. Tiếp theo đó là ngành sản xuất VLXD có tốc độ thu hút lao động 75%/năm nhưng số lao động chỉ bằng hơn nửa số lao động trong ngành mộc. Ngành sản xuất gạch được xã quan tâm đúng mức, diện tích dành cho sản xuất là 0,38 ha. Số lao động của 2 ngành còn lại cũng tăng khá nhanh : cơ kim khí 59%/năm; chế biến lương thực thực phẩm 45% /năm. Xét trên góc độ thu hút lao động, giải quyết việc làm thì ngành công nghiệp của xã trong 5 năm qua đã đạt được những thành công rất to lớn. Thể hiện sự chú trọng của xã vào việc phát triển công nghiệp, phá thế độc canh trong nông nghiệp.

Nhưng chúng ta hãy quan tâm đến 3 năm cuối của giai đoạn này, tốc độ tăng bình quân của các ngành có xu hướng chậm dần. Số lao động trong tất cả các ngành đều tăng nhưng rất thấp, bình quân chung ở mức 3,9%/năm. ngành sản xuất VLXD có khá hơn : 9,71% một năm.

Tuy nhiên nhìn chung quy mô ngành công nghiệp và xây dựng còn nhỏ bé cả về tuyệt đối và tương đối : tổng giá trị sản xuất năm 2006 là 4,5 ty đồng, chiếm 13% tổng giá trị sản xuất của toàn xã. Trong khi đó như của Đại đồng là trên 13 tỷ chiếm 26% tổng giá trị sản xuất toàn xã.

Các hoạt động công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chưa thực sự phát triển do lĩnh vực này đòi hỏi lao động phải có sức khỏe và trình độ kỹ thuật nhất định, việc đào tạo vừa qua trường lớp vừa phải có thời gian tích lũy kinh nghiệm. Hơn nữa trong sản xuất công nghiệp thường kết hợp kinh doanh, giải quyết sản phẩm đầu ra cần có kinh nghiệm chiếm lĩnh thị trường, vốn và có năng lực.

Đánh giá chung : Giai đoạn 2000-2006 ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của xã đã có những bước tiến đáng kể, tốc độ thu hút lao động cao. Tuy nhiên những tiềm năng và thế mạnh về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của xã chưa được khai thác triệt để. Quy mô sản xuất của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng còn nhỏ bé. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng chưa phát

triển tương xứng với tiềm năng của nó. Ngành chế biến gỗ, mộc gia dụng có thể đạt kết quả cao hơn. Công tác tổ chức hiệp hội, nghiên cứu thị trường chưa được quan tâm đúng mức. Thị trường tiêu thụ sản phẩm còn rất hẹp, chủ yếu là địa phương.

2.1.4. Thực trạng phát triển thương mại và dịch vụ

Hoạt động thương mại dịch vụ của xã chủ yếu là kinh doanh buôn bán phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân tại địa phương. Số hộ cũng như số lao động kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác chiếm khoảng 30% trong tổng số. Trong năm 2005, số lao động làm việc trong lĩnh vực này chiếm 6,05% tổng số lao động của địa phương nhưng giá trị sản xuất của ngành chiếm 24% tổng giá trị sản xuất của địa phương (bảng 2). Đặc điểm hoạt động của ngành thương mại và dịch vụ là đòi hỏi vốn tương đối lớn cộng với truyền thống, kinh nghiệm và vị trí địa lý thích hợp.

Tốc độ tăng trưởng bình quân năm giai đoạn 2000-2006 của ngành thương mại & dịch vụ ở Bình yên là 16% (bảng 3) cao hơn tốc độ tăng chung của xã cũng như tốc độ tăng chung của huyện (tốc độ tăng chung của xã ở bảng 3 là 12,1%, ngành thương mại dịch vụ của huyện là 11,8% - QH tổng thể phát triển KTXH Huyện Thạch thất ... tr 83)

Số doanh nghiệp kinh doanh buôn bán trên địa bàn xã chỉ có 1 doanh nghiệp với 25 lao động ; còn lại là các hoạt động kinh doanh buôn bán của các hộ cá thể. Bình yên có số hộ kinh doanh thương mại nhiều hơn các xã xung quanh và số hộ này kinh doanh khá phát đạt nhờ có truyền thống và kinh nghiệm. Số hộ kinh doanh buôn bán năm 2005 so với năm 2000 tăng trung bình mỗi năm 29% ; số lao động mỗi năm tăng 15%.

Số hộ làm dịch vụ từ năm 2003 đến 2006 trung bình mỗi năm tăng 68%; số lao động tăng trung bình 49,8%/năm

Xem bảng 11 dưới đây để thấy rõ hơn tình hình biến động số hộ kinh doanh trong lĩnh vực này.

Điều kiện quan trọng để thực hiện việc trao đổi hàng hóa ở địa phương là chợ, Bình yên có 1 chợ trung tâm với cơ sở hạ tầng khá tốt, ngoài ra còn có các chợ nhỏ...Tuy nhiên chủ yếu là bán lẻ phục vụ tiêu dùng của nhân dân địa phương. Hàng hóa được sản xuất từ các trang trại được các chủ buôn mua tại vườn, tại ao.

Đánh giá chung : tốc độ tăng trưởng ngành thương mại và dịch vụ của Bình yên giai đoạn 2000-2005 đã có những bước phát triển mạnh. Hoạt động thương mại cũng như dịch vụ ăn uống mang tính truyền thống đã và đang được khai thác, phát huy. Song, quy mô thương mại còn nhỏ bé biểu hiện của nó là tỷ trọng tổng giá trị sản xuất

thương mại và dịch vụ trong tổng giá trị sản xuất trên địa bàn còn thấp. Hoạt động dịch vụ mang tính tự phát, chưa có sự quản lý kiểm soát của chính quyền.

Bảng 11. Số hộ kinh doanh và lao động trong ngành thương mại & dịch vụ

	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
Tổng giá trị sx theo giá hiện hành (tr. đ)	4380	7011	9200	11400
- Số doanh nghiệp thương mại	1	1	1	1
Số lao động trong các DN (người)	20	22	25	25
- Số hộ KD buôn bán (hộ)	42	78	150	186
Số lao động trong các hộ (người)	110	128	220	270
- Số hộ làm dịch vụ (hộ)		23	54	65
Số lao động trong các hộ (người)		37	67	83

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Thạch thất

2.2. Đánh giá thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật

2.2.1 Mạng lưới đường giao thông

Bình Yên có tổng diện tích đất giao thông là 40,79 ha

Trên địa bàn xã có tuyến đường quốc lộ 21A chạy qua khu vực phía Tây Nam của xã, tuyến tỉnh lộ 420 chạy qua xã và các tuyến đường liên xã. Các tuyến đường trên đều được trải nhựa.

Trong các khu dân cư với tổng diện tích đất là 11,42 ha, chủ yếu là đường đất, bề mặt rộng 1,5-4m. Trong thời gian tới cần được nâng cấp và mở rộng.

Hệ thống đường nội đồng đều là đường đất.

2.2.2 Hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt.

Hệ thống cấp nước: Hiện nay 100% số hộ trong xã sử dụng nước giếng khơi hoặc giếng khoan lấy nước sinh hoạt. Chất lượng nước được nhân dân đánh giá là rất tốt.

Thoát nước: Hệ thống thoát nước sinh hoạt trong xã chủ yếu là hệ thống thoát nước nổi bên các lè đường trong thôn và được đổ xuống các ao hồ trong khu dân cư, và một phần ra hệ thống kênh tiêu của xã. Do đó các ao hồ hiện nay đang bị nông dân và trở thành những ao tù nước đọng, gây ô nhiễm.

2.2.3 Hệ thống điện.

Toàn xã có các trạm biến áp ở các thôn và hệ thống lưới điện đến từng hộ. Hệ thống điện của xã đã được cải tạo nâng cấp, đã bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Giá bán điện hiện nay của xã là 700đ/ KW theo quy định của Nhà nước

2.2.4 Mạng lưới thông tin viễn thông, bưu chính.

Tại xã có 1 điểm bưu điện văn hóa của xã, toàn xã có 339 máy điện thoại cố định, bình quân 3,5 máy/100 người. Hơn nữa xã nằm giáp thị trấn Liên Quan và các khu trung tâm khác nên thuận tiện trong việc thông tin liên lạc với bên ngoài và trong nội bộ xã.

2.2.5 Hệ thống thủy lợi

Hệ thống thủy lợi tưới và tiêu của xã chủ yếu thông qua các trạm bơm và hệ thống kênh mương các cấp. Hiện nay đã cứng hóa được 2,8 km kênh mương, bảo đảm tưới tiêu chủ động trên 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp

2.3. Đánh giá thực trạng phát triển các ngành giáo dục, y tế, văn hóa – thể thao.

2.3.1. Thực trạng phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

a. Về cơ sở vật chất: Hệ thống giáo dục của xã gồm các trường: mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở. Trong những năm qua cơ sở vật chất của tất cả các trường đều được đầu tư nâng cấp, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu dạy và học. Tuy vậy nhiều phòng học vẫn chưa được xây dựng kiên cố. Có thể thấy hiện trạng cơ sở vật chất các trường trong bảng 12.

Bảng 12: Một số chỉ tiêu cơ bản về trường học xã Bình Yên, năm 2006

STT	Chỉ tiêu	Nhà trẻ, mẫu giáo	Trường tiểu học	Trường THCS	Tổng cộng
1	Tổng diện tích (m ²)	4850	20850	9500	35200
2	Tổng số phòng học (phòng)	15	19	20	54
3	Số phòng học kiên cố (phòng)	12	7	20	39
4	Số phòng học chuyên dùng		8	4	12
5	Số học sinh (em)	455	845	802	2102
5	Diện tích (m ²)/ học sinh	10,66	24,67	11,84	

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Thạch Thất, 9/2006; phòng Giáo dục huyện tháng 3/2006 và tính toán của nhóm tư vấn.

Từ bảng trên cho thấy số lượng phòng học được xây dựng kiên cố ở tất cả các trường mới đạt 72% (39/54 phòng). Nếu xét về diện tích đất giành cho giáo dục/ học sinh cho thấy trường tiểu học có diện tích đất m^2 / học sinh khá cao, do đó diện tích trường tiểu học hiện nay đã bảo đảm đủ cho việc sử dụng lâu dài, còn trường trung học cơ sở thì diện tích đất sử dụng của trường/ học sinh mới đạt được ở mức thấp so với quy định hiện nay (định mức $12m^2$ / học sinh).

b. Thực trạng chất lượng giáo dục – đào tạo xã Bình Yên

- Trường mầm non hiện nay có tổng số 26 giáo viên, trong đó có 80% giáo viên đã đạt chuẩn. Số lượng các cháu trong độ tuổi đến trường ngày càng đông, năm 2000 có 325 em đến trường, đạt 50% số cháu ở độ tuổi đến trường, năm 2006 có 455 cháu, đạt 52%.

- Trường tiểu học: Hiện nay có tổng số 35 giáo viên, 100% giáo viên đã đạt chuẩn. 100% số trẻ em trong độ tuổi đến trường. Số lượng học sinh học tiểu học trong xã có xu hướng giảm, năm 2000 có 1090 em, đến năm 2006 giảm xuống còn 845 em. Trong những năm qua chất lượng dạy và học của trường tiểu học luôn được nâng lên, 100% số học sinh đủ tiêu chuẩn được chuyển lên lớp, hạn chế hiện tượng học sinh bỏ học. Trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia giai đoạn 1.

- Trường trung học cơ sở đã đạt chuẩn quốc gia năm 2007 với tổng số 41 giáo viên, trong đó 98% số giáo viên đạt chuẩn. Tổng số học sinh hiện nay là 802 học sinh, đạt 100% số trẻ em trong độ tuổi đến trường. Tỷ lệ học sinh thi tốt nghiệp cuối cấp trong những năm qua luôn đạt ở mức 98%, năm 2005 đạt 99,5%.

Bảng 13: Các chỉ tiêu về giáo viên và học sinh xã Bình Yên, năm 2006

STT	Chỉ tiêu	Nhà trẻ, mẫu giáo	Trường tiểu học	Trường THCS	Tổng cộng
1	Số giáo viên/ cô nuôi dạy trẻ	26	35	41	102
2	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, %	80	100	98	
3	Số học sinh đi học, em	455	845	802	2102
4	Tỷ lệ số trẻ em trong độ tuổi đến trường (%)	52	100	100	
5	Tỷ lệ học sinh/giáo viên	17,5	24,1	19,5	

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Thạch Thất, 9/2006; phòng Giáo dục huyện tháng 3/2006 và tính toán của nhóm tư vấn.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ở các trường luôn được quan tâm, trong 5 năm từ 2000-2005 toàn xã có 460 học sinh giỏi cấp huyện, 114 học sinh giỏi cấp tỉnh, 1 học sinh giỏi Quốc gia, có 47 em thi đỗ vào các trường cao đẳng, đại học trong cả nước.

Đội ngũ giáo viên của các trường yên tâm công tác, yêu nghề, nhiệt tình và tận tụy với công tác giảng dạy. Trong 5 năm có 68 giáo viên đạt danh hiệu dạy giỏi cấp huyện và tỉnh, riêng năm học 2004-2005 có 4 tổ giáo viên trong xã đạt danh hiệu tổ lao động giỏi, 1 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và 16 giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

Những kết quả trên khẳng định chất lượng giáo dục ở các cấp học trong xã đã và đang có bước phát triển vững chắc.

2.3.2. *Thực trạng phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Trạm y tế xã đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia vào đầu năm 2007. Đội ngũ cán bộ trạm y tế xã hiện có: 1 bác sĩ, 6 y sĩ, 8 y tế viên ở cơ sở thôn. 5 năm qua trạm y tế đã thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia, y tế dự phòng và điều trị bệnh theo số bảo hiểm cho hàng nghìn lượt người. Trạm đã tổ chức tốt công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em từ 0-6 tuổi, đạt 100%. (xem ở bảng 14).

Trạm được đầu tư kinh phí để nâng cấp cơ sở vật chất, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. 100% số phòng khám chữa bệnh đã được xây dựng kiên cố.

Bảng 14: Thống kê về y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng xã Bình Yên

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
1	Tổng diện tích đất trạm y tế	m ²	10.000	10.000	10.000	10.000
2	Diện tích vườn thuốc Nam	m ²	60	60	60	60
3	Diện tích xây dựng phục vụ khám chữa bệnh	m ²	84	96	96	96
4	Tổng số phòng khám và điều trị	Phòng	7	7	7	7
5	Số bác sĩ	Người	1	1	1	1
6	Số Y sĩ	Người	6	6	6	6
7	Tỷ lệ trẻ em được tiêm phòng theo qui định	%	100	100	100	100

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Thạch Thất, 9/2006

Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được tăng cường kiểm tra. Nhân dân hăng hái tham gia vệ sinh môi trường nên không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Ban dân số xã với 12 cộng tác viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực vận động các đối tượng thực hiện các biện pháp tránh thai đều đạt chỉ tiêu, xây dựng được 5 câu lạc bộ không sinh con thứ 3 với 137 thành viên. Công tác dân số KHHGD luôn chú trọng tới việc tổ chức học tập và tuyên truyền pháp lệnh dân số cho cán bộ và nhân dân thực hiện. Tuy vậy, tỷ lệ sinh thô năm 2005 là 14‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 là 17%, tăng 4,6% so với năm 2000. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng là 20%, giảm 1,5% so với năm 2000

Việc cung cấp nước sạch của địa phương vẫn còn khó khăn. Hiện nay 100% số hộ trong xã dùng nước giếng khơi hoặc giếng khoan.

Tóm lại, với cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ y tế hiện có của xã đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong xã, các hoạt động y tế cộng đồng cũng được quan tâm và được đánh giá tốt. Tuy vậy vấn đề nước sinh hoạt của người dân còn nhiều khó khăn, cần có giải pháp giải quyết trong giai đoạn quy hoạch nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trong xã.

2.3.3 Thực trạng phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao

Hệ thống các địa điểm và cơ sở phục vụ cho các hoạt động văn hóa xã bao gồm các nhà văn hóa, các điểm văn hóa sinh hoạt trong khu dân cư trên địa bàn xã hiện nay bao gồm 1.200 m² nhà văn hóa ở 3 làng (3 điểm văn hóa), còn 6 làng vẫn chưa có nhà văn hóa. Bên cạnh đó, xã đã đầu tư làm 5 sân chơi, bãi tập với diện tích 2.100m², thu hút được hàng nghìn người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. Tuy nhiên, ở nhiều thôn (4 trong tổng số 9 thôn) vẫn chưa có sân chơi, bãi tập tập trung của thôn, trong qui hoạch đến năm 2020, được nghiên cứu xây dựng và mở rộng.

Bảng 15 :Thống kê các cơ sở văn hóa, thể thao xã Bình Yên

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2000	2003	2005	2006
1	Tổng diện tích nhà văn hóa xã	m ²		1200	1200	1200
2	Số điểm văn hóa sinh hoạt trong khu dân cư	Điểm		3	3	3
3	Tỷ lệ các khu dân cư có điểm sinh hoạt văn hóa	%		33,3	33,3	33,3
4	Tổng số sân chơi, bãi tập trong các khu dân cư	Sân	3	4	5	5

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Thạch Thất, 9/2006

Hoạt động văn hóa văn nghệ, tuyên truyền cổ động thông tin đại chúng có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đảng ủy xã xây dựng được chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Tổ chức, xây dựng nếp sống văn hóa trong việc cưới xin, việc tang, mừng thọ đã thu được một số kết quả tốt như: không hút thuốc lá, không ăn uống lãng phí

Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, có 3/9 làng được công nhận là làng văn hóa, trong đó có 1 làng đạt cấp tỉnh, 2 làng đạt cấp huyện. 75% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

Phong trào văn nghệ, thể dục thể thao đã có những bước phát triển mới. Hiện nay trong xã có tới 12 đội thể thao. Hàng năm đều tổ chức các hội diễn văn nghệ quần chúng. Xã chọn cử được các tiết mục văn nghệ xuất sắc và vận động viên tiêu biểu tham dự các cuộc thi của huyện, tỉnh và giành được nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào chung của huyện.

2.4. Thực trạng đời sống, an ninh quốc phòng

2.4.1. Thực trạng việc làm, thu nhập và đời sống

- Về lao động và việc làm:

Với xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay của Xã, lực lượng lao động trong nông nghiệp dần giảm dần và chuyển sang hoạt động trong các ngành khác. Về cơ cấu lao động có sự thay đổi không đáng kể, có thể thấy tình hình biến động lao động giữa các ngành và cơ cấu lao động trong bảng 16.

Từ bảng 16 cho thấy về số lượng lao động các ngành đều có xu hướng tăng cùng với nhịp độ tăng của dân số, nhưng chậm, chỉ có ngành thương mại dịch vụ có sự gia tăng rõ ràng hơn. Về cơ cấu lao động thì lao động ngành nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng lớn. Trong 6 năm từ 2000 đến 2006 chỉ giảm được 10% số lao động trong ngành nông nghiệp (từ 91,9% năm 2000 xuống còn 80,37% năm 2006), tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp tăng giảm bấp bênh, đến nay chiếm chưa đến 10% tổng số lao động. Tỷ trọng lao động trong ngành thương mại dịch vụ tăng đều hơn và liên tục.

Bảng 16: Số lượng lao động và cơ cấu lao động

TT	Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
1	Lao động phi sản xuất (người)	271	287	295	298
2	Lao động trong các ngành (người)				
	Nông nghiệp	3641	3388	3641	3737
	Công nghiệp& xây dựng	71	403	417	375
	Thương mại & dịch vụ	130	187	302	378
	Trong các lĩnh vực khác	120	132	145	160
	Tổng cộng (người)	3962	4110	4505	4650
3	Tỷ trọng lao động trong các ngành (%)				
	Nông nghiệp	91,90	82,43	80,82	80,37
	Công nghiệp& xây dựng	1,79	9,81	9,26	8,06
	Thương mại & dịch vụ	3,28	4,55	6,70	8,13
	Trong các lĩnh vực khác	3,03	3,21	3,22	3,44
	Tổng cộng (%)	100,00	100,00	100,00	100,00

Nguồn số liệu : phòng Thống kê huyện Thạch Thất, tháng 9/2006.

- Về thu nhập và đời sống.

Trong những năm qua cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp và nông nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ nên bình quân lương thực/ người của xã tương đối ổn định. Tuy vậy thu nhập/ người có xu hướng tăng. (Xem bảng 17.)

Bảng 17. Hiện trạng thu nhập và đời sống của nhân dân xã Bình Yên

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2000	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2006
1	Lương thực bq/ người	Kg	278	285	280	297
2	Thu nhập bq/ người/ năm	Tr.đ	2,07	3,04	3,25	
3	Số hộ khá và giàu	Hộ	-	50	87	100
4	Số hộ nghèo	Hộ	345	246	366*	282*
5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	19,16	12,59	18,17	12,31

Nguồn số liệu : phòng Thống kê huyện Thạch Thất, 2006 và báo cáo đại hội Đảng Bộ xã nhiệm kỳ 2001-2005 và phương hướng nhiệm kỳ 2006-2010...

** Số hộ nghèo tính theo chuẩn mới năm 2005.*

Từ năm 2000 đến 2005 thu nhập bình quân / người tăng 57%. Số hộ giàu ngày càng nhiều và số hộ nghèo giảm. Nếu so sánh với mức thu nhập chung của huyện thì thu nhập của nhân dân trong xã Bình Yên đạt thấp hơn mức bình quân chung của huyện (năm 2005 bình quân chung của huyện là 4,04 triệu đ/ người/ năm⁵).

2.4.2. Tình hình trật tự an ninh, quốc phòng.

- *Quốc phòng:* Xã tổ chức tốt chương trình giáo dục quốc phòng toàn dân, xây dựng thể trận quốc phòng nhân dân và thể trận an ninh nhân dân. Hằng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu gọi thanh niên nhập ngũ. Đã tổ chức huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên, đảm bảo chất lượng và số lượng. Tổ chức tốt các đợt diễn tập phòng không nhân dân, là đơn vị 5 năm liên tục được công nhận đơn vị quyết thắng.

- *An ninh:* Ban công an xã chủ động xây dựng kế hoạch tuần tra, canh gác, tấn công các loại tội phạm, kịp thời giải quyết các vụ việc theo đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, từng bước hạn chế được nạn trộm cắp tài sản, góp phần hạn chế tệ nạn ma túy, cờ bạc. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc được đẩy mạnh, thường xuyên tổ chức tốt chế độ giao ban cụm liên kết an toàn, kết hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng nhân dân tích cực tuyên truyền phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Việc giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân được quân tâm chỉ đạo, không có đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người, nội bộ cán bộ đảng viên và nhân dân đoàn kết.

Tuy nhiên, việc phối hợp giải quyết các vụ việc giữa công an và các ngành đoàn thể chưa được thường xuyên. Lực lượng công an xã còn hạn chế về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ. Tệ nạn xã hội như cờ bạc, trộm cắp và nghiện hút có chiều hướng gia tăng.

2.4.3. Môi trường.

Tình trạng ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư thời gian gần đây có xu hướng ngày càng tăng trên hầu hết các chỉ tiêu: không khí, tiếng ồn và chất thải, nước thải. Đây là hệ quả tất yếu do quá trình phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân của địa phương chưa đi kèm với các biện pháp bảo vệ môi trường và sự thay đổi trong ý thức bảo vệ môi trường của dân cư. Các nguyên nhân cụ thể bao gồm:

⁵ Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thạch Thất đến 2010, định hướng đến năm 2020. tr 15.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ lẻ, phân tán trong các khu dân cư gây ảnh hưởng lớn đến môi trường địa phương: tiếng ồn, khí bụi, và chất thải...

- Nước thải chủ yếu chảy trực tiếp ra sông và các ao, hồ qua các rãnh gom nước lộ thiên, làm cho khí thải bốc lên.

- Hầu hết các gia đình đã có hệ thống tự hoại. Tuy nhiên, hiện chưa có hệ thống cống thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa riêng nên cũng gây ô nhiễm khá lớn.

- Tại các hộ chăn nuôi lớn chưa có các biện pháp bảo đảm môi trường nên tình trạng ô nhiễm môi trường cũng đã đến mức báo động.

2.5 Đánh giá sử dụng đất của xã Bình Yên

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Bình Yên theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2005 là 1067,2 ha. Phân theo mục đích sử dụng như sau:

- Đất nông nghiệp là 479,4 ha, chiếm 44,92%
- Đất phi nông nghiệp là 581,3ha, chiếm 54,47%
- Đất chưa sử dụng: 6,5 ha, chiếm 0,61%

2.5.1 Tình hình biến động và sử dụng đất nông nghiệp

Thực trạng và biến động đất nông nghiệp được trình bày trong bảng 18 .

Bảng số 18. Biến động sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2000-2006

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất	Năm 2000	Năm 2006	2006 so với 2000 Tăng(+), giảm (-)
	Tổng diện tích đất nông nghiệp	653	479,4	-173,6
1	Đất sản xuất nông nghiệp	427	311,9	-115,1
1.1	+ Đất trồng cây hàng năm	427	300,32	-126,68
1.1.1	Đất trồng lúa	320,8	261,66	-59,14
1.1.2	Đất trồng màu và cây công nghiệp hàng năm	106,2	38,66	-67,54
1.2	+ Đất cây lâu năm	0	11,58	11,58
2	Đất lâm nghiệp	214,8	153,01	-61,79
2.1	+ Đất rừng sản xuất	214,8	153,01	-61,79
3	Đất nuôi trồng thủy sản	11,2	9,01	-2,19
4	Đất nông nghiệp khác	0	5,48	5,48

Nguồn số liệu : phòng Thống kê huyện Thạch Thất, tháng 9/2006.

Tổng diện tích đất nông nghiệp hiện nay của xã là 479,4 ha, chiếm 44,92% diện tích đất tự nhiên của xã, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 311,9 ha, đất lâm nghiệp là 153,01 ha, mặt nước nuôi trồng thủy sản là 9,01ha, đất nông nghiệp khác là 5,48 ha. Trong đó :

Đất trồng cây hàng năm là 300,32ha, chiếm 96,28% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, trong đó đất chuyên trồng lúa là 261,66 ha (chiếm 87,12% tổng diện tích trồng cây hàng năm). Do điều kiện địa hình không đồng đều, chỉ có một phần diện tích đất nông nghiệp có nguồn nước và hệ thống thủy lợi bảo đảm chủ động tưới tiêu nên các chân ruộng này cấy được 2 vụ lúa hoặc 2 vụ lúa, 1 vụ màu.

Trong giai đoạn 2000-2006 đất cây hàng năm giảm 226,68 ha, trong đó có 11,58 ha được chuyển sang trồng cây lâu năm, 5,48 ha chuyển sang đất nông nghiệp khác, còn lại chủ yếu chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Đất lâm nghiệp giảm 61,79 ha và đất nuôi trồng thủy sản giảm 2,19 ha. Toàn bộ phần diện tích giảm của 2 loại đất này được chuyển sang đất phi nông nghiệp.

2.5.2 Tình hình biến động và sử dụng đất phi nông nghiệp

Có thể thấy tình hình biến động của loại đất phi nông nghiệp trong bảng 19.

- Đất ở của xã Bình Yên chủ yếu là đất ở nông thôn, trong giai đoạn 2000-2006 đất ở tăng 64,1 ha và hiện nay tổng diện tích đất ở là 111,1 ha. Diện tích đất ở tăng chủ yếu được chuyển từ đất nông nghiệp sang phục vụ cho công tác giãn dân.

- Đất chuyên dùng có biến động ở tất cả các loại, nhưng biến động do đo đạc bản đồ khá lớn. Nhưng có thể nói trong giai đoạn từ 2000-2006 đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là loại tăng nhiều nhất, 272 ha, chủ yếu được chuyển từ đất sản xuất nông nghiệp sang và một phần nhỏ (chưa đến 1 ha) được chuyển từ đất chưa sử dụng sang. Đất có mục đích công công tăng 29,35 ha, chủ yếu là tăng đất giao thông, trong khi đó đất thủy lợi lại giảm 4 ha.

Cơ cấu đất chuyên dùng năm 2006 như sau:

- Đất trụ sở cơ quan : 16,2 ha, chiếm 4,25% tổng diện tích đất chuyên dùng
- Đất an ninh quốc phòng: 29,5 ha, chiếm 7,37%
- Đất kinh doanh phi nông nghiệp: 272,1 ha, chiếm 71,31%, trong đó đất khu công nghiệp chiếm 70,73% đất chuyên dùng.
- Đất giao thông: 40,8 ha, chiếm 10,69%
- Đất thủy lợi: 16,11 ha, chiếm 4,22%
- Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng là 83,1 ha, chiếm 21,78%

- Các loại đất chuyên dùng khác đều chiếm ở mức dưới 1%.

Các loại đất phi nông nghiệp khác biến động không lớn.

Bảng số 19. Biến động diện tích đất phi nông nghiệp giai đoạn 2000-2006

Đơn vị tính: Ha

	Loại đất	Năm 2000	Năm 2006	Năm 2006 so với 2000 (+,-)
1	Đất ở	47	111,1	64,1
	Đất ở nông thôn	47	111,1	64,1
2	Đất chuyên dùng	85,8	381,6	295,8
2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	16,2	16,2	0
2.2	Đất an ninh quốc phòng	38,3	29,5	-8,8
2.3	Đất kinh doanh phi nông nghiệp		272,1	272,1
	- Đất khu công nghiệp		269,9	269,9
	- Đất cơ sở SX kinh doanh		1,8	1,8
	- Đất SX vật liệu, gốm sứ		0,4	0,4
2.4	Đất có mục đích công cộng	34,35	63,9	29,35
	Đất giao thông	9,3	40,8	31,5
	Đất thủy lợi	20,1	16,1	-4
	Đất truyền dẫn năng lượng, truyền thông	0,17	0,23	0,14
	Đất cơ sở y tế	1	1	0
	Đất cơ sở giáo dục	3,58	3,3	-0,28
	Đất thể dục thể thao		2,17	2,17
	Đất chợ		0,24	0,24
	Đất di tích, danh thắng	0,2	0,2	0
3	Đất tôn giáo tín ngưỡng	2,08	1,5	-0,58
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	8,5	4	-4,5
5	Sông suối, mặt nước chuyên dùng	83,1	83,1	0

Nguồn số liệu : phòng Thống kê huyện Thạch Thất, tháng 9/2006.

Đất chưa sử dụng trong giai đoạn 2000-2005 giảm 118,7 ha, nhưng sai sót do đo đạc bản đồ là 117,61 ha, chuyển sang đất trụ sở cơ quan sự nghiệp là 0,22 ha, sang đất sản xuất kinh doanh 0,91 ha. Đến nay đất chưa sử dụng còn 6,5 ha.

2.6. Đánh giá chung về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 – 2007

2.6.1. Về kinh tế

Quy mô sản xuất các ngành không ngừng được mở rộng đặc biệt trong ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng ổn định, cơ cấu kinh tế đã có những chuyển biến theo hướng tích cực. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong tổng GTSX tăng, trong khi tỷ trọng nông nghiệp giảm đáng kể. Trong nông nghiệp tỷ trọng trồng trọt giảm, tỷ trọng chăn nuôi tăng nhanh. Năng suất lao động trong các ngành và giá trị sản xuất bình quân đầu người tăng tương đối nhanh. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng vẫn thấp hơn so với bình quân chung của toàn huyện.

- Giai đoạn 2000-2007 ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của xã đã có những bước tiến đáng kể, tốc độ tăng trưởng cao góp phần đẩy nhanh kinh tế chung của xã. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tiềm năng và thế mạnh về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của xã chưa được khai thác. Quy mô sản xuất của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng. Ngành chế biến gỗ, mộc gia dụng có thể đạt kết quả cao hơn. Công tác tổ chức hiệp hội, nghiên cứu thị trường chưa được quan tâm đúng mức. Thị trường tiêu thụ sản phẩm còn rất hẹp, chủ yếu là địa phương.

- Ngành Thương mại và dịch vụ đã và đang được được nhân dân quan tâm. Lợi thế về vị trí được Đảng và nhân dân xã nhận thức và đánh giá đúng nên đã và đang được khai thác. Tuy nhiên hiện trạng quy mô thương mại còn nhỏ lẻ. Hoạt động dịch vụ mang tính tự phát, chưa có sự quản lý kiểm soát của chính quyền. Địa phương chưa có chợ để trao đổi hàng hoá.

- Ngành nông nghiệp, tỷ trọng chăn nuôi ngày càng chiếm ưu thế. Những thế mạnh về chăn nuôi đã và đang được khai thác. Tuy nhiên, ngành thủy sản chưa phát triển, nhân dân chưa nhận thấy hiệu quả kinh tế của ngành này.

Tổ chức sản xuất : Nổi bật nhất là phong trào xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng /ha/năm Bình Yên đã thu được những thành công to lớn và nhiều bài học kinh nghiệm.

Triển vọng năm 2008 và những năm tiếp theo : kinh tế của xã sẽ phát triển với tốc độ cao hơn, quy mô các ngành ngày càng mở rộng nhanh chóng. Các chỉ tiêu kế hoạch do xã đề ra đều đạt và vượt. Chuyển dịch cơ cấu sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn theo hướng phát triển các ngành dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu đời sống của các khu đô thị đang được đầu tư trên địa bàn huyện.

2.6.2. Về xã hội

Trật tự xã hội thường xuyên được giữ vững, không có khiếu kiện đông người hay khiếu kiện vượt cấp. Nhân dân tin tưởng cao vào sự lãnh đạo của Đảng bộ xã và UBND xã.

Các phong trào đoàn thể quần chúng phát triển đã góp phần to lớn trong công tác làm lành mạnh xã hội. Đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.

Kiểm soát tăng dân số còn nhiều vấn đề phải nghiên cứu : Bình Yên với vị trí địa lý liền kề khu công nghệ cao Hoà lạc, liền kề thị trấn Liên quan xu thế đô thị hoá rất cao, khả năng dân cư ở các đô thị xung quanh mua đất và cư trú rất lớn. Thực tế đã có đến hàng trăm người nơi khác (có cả Hà nội) đang có đất ở Bình Yên . Vì vậy việc tăng dân số ở Bình Yên sẽ diễn ra theo hướng tăng cơ học nhiều hơn là tăng tự nhiên.

Trong tương lai nếu Bình Yên không có biện pháp gì để kiểm soát tăng dân số thì khả năng quá tải về dân số sẽ rất cao. Điều đó một mặt làm cho kinh tế Bình Yên phát triển sôi động nhưng mặt khác sự mất cân đối cung cầu về các dịch vụ đời sống, về cơ sở hạ tầng v.v... có thể dẫn đến các vấn đề xã hội, vấn đề ô nhiễm môi trường .

Xoá đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm của xã trong thười gian qua đã thu được những thành công nhất định. Các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển đã giải quyết hàng ttăm lao động trong xã có việc làm với thu nhập cao.

PHẦN THỨ HAI
QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI XÃ BÌNH
YÊN ĐẾN NĂM 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

I- DỰ BÁO VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ BÌNH YÊN GIAI ĐOẠN 2008-2015 VÀ 2015-2020

1.1. Bối cảnh phát triển kinh tế xã hội trong thập kỷ tới

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới, kinh tế nước ta nói chung và từng địa phương nói riêng sẽ chịu tác động ngày càng mạnh mẽ và trực tiếp từ thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới. Xu thế kinh tế chung vừa có những thuận lợi cho phát triển, vừa có những thách thức gay gắt hơn về kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng và sẽ có tác động đến nền kinh tế nước ta trên nhiều phương diện:

Tiến trình hội nhập kinh tế thế giới cùng với các quan hệ quốc tế sẽ tạo ra thế phát triển mới tác động đến kinh tế Việt Nam thông qua quan hệ hợp tác với các thị trường ở các nước trên thế giới, trước hết thị trường các nước trong khu vực.

Bối cảnh kinh tế quốc tế cũng đặt ra nhiều thách thức lớn đối với nền kinh tế nước ta, nhất là sức ép cạnh tranh khi Việt Nam đã ra nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và thực hiện đầy đủ các cam kết trong khuôn khổ lộ trình hội nhập AFTA, APEC, ASEM và các hiệp định thương mại đa phương và song phương khác với các nền kinh tế lớn như: Nhật Bản, Trung Quốc...

Trước bối cảnh đó, kinh tế của Bình Yên nói riêng và huyện Thạch Thất nói chung chắc chắn không thể nằm ngoài tiến trình hội nhập. Điều này đặt ra yêu cầu cao hơn về tính chuyên môn hóa trong sản xuất cũng như tạo ra các sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường ở trình độ cao hơn hiện nay.

1.2. Dự báo về xu thế đô thị hoá, công nghiệp hoá và hiện đại hoá

- Bình Yên là xã nằm cận kề khu công nghệ cao Hòa Lạc, xu hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong những năm tới sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ hơn các xã khác trong huyện Thạch Thất.

- Bình Yên là địa phương hiện nay có diện tích đất đai đã được quy hoạch vào khu công nghệ cao khá lớn. Do vậy, khi khu công nghệ cao được xây dựng và đi vào hoạt động thì các hoạt động kinh tế của xã sẽ phát triển mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng của công nghiệp sẽ dần chiếm vị trí chủ lực trong cơ cấu kinh tế địa phương: quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng từ: nông

ng nghiệp - công nghiệp - dịch vụ sang công nghiệp – dịch vụ- nông nghiệp. Đây là xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế mang tính tất yếu của một địa phương đang trong quá trình công nghiệp hóa

Hơn nữa, Bình Yên là địa bàn có nhiều điều kiện kinh tế, xã hội thuận lợi cho phép quá trình đó diễn ra với tốc độ nhanh hơn. Hiện tại, đất nông nghiệp ở Bình Yên còn khá lớn, hơn nữa đất đai ở đây rất thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, thuận tiện giao thông, việc đền bù giải phóng mặt bằng thuận lợi, do đó việc đầu tư mở rộng phát triển sản xuất công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp trên địa bàn xã sẽ đỡ tốn kém hơn đầu tư ở những nơi khác.

- Trong giai đoạn sau năm 2010, hệ thống các cơ sở hạ tầng nông thôn sẽ được xây dựng và ngày càng hoàn thiện: giao thông, hệ thống cung cấp nước sạch và xử lý nước, các cơ sở thương mại (chợ, siêu thị...), các công trình văn hoá, khu vui chơi giải trí, các hình thức dịch vụ mới, các khu dân cư tập trung ngày càng phát triển theo đặc trưng của một đô thị nhỏ, hay một thị tứ.

- Quá trình đẩy mạnh phát triển sản xuất, giao lưu hàng hoá và mở rộng các hoạt động dịch vụ, tăng cường nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho giai đoạn mới. Trong những năm tới, quá trình công nghiệp hoá ở xã sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Quá trình này sẽ làm tăng nhu cầu nông sản, thực phẩm có chất lượng, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm. Tuy nhiên cần lưu ý: sự mở rộng sản xuất công nghiệp có thể diễn ra rất nhanh đòi hỏi quy hoạch và xây dựng các cơ sở hạ tầng phải tính toán và thích ứng trong thời gian dài, bố trí và xây dựng các cơ sở sản xuất và dịch vụ đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững. Đặc biệt, quá trình công nghiệp hoá, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, làm cho đất nông nghiệp bị thu hẹp nhanh, đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc giải quyết việc làm cho dân cư nông nghiệp bị mất đất.

1.3. Dự báo về tiến bộ khoa học và công nghệ mới

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thạch Thất đến năm 2010, định hướng 2020 (tháng 1, 2006) cũng chỉ rõ mục tiêu: ***“Xây dựng Thạch Thất trở thành huyện công nghiệp, tiểu công nghiệp, dịch vụ; là trung tâm công nghệ cao và trung tâm đào tạo của vùng với hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại trước năm 2015”***. Như vậy trong thời kỳ quy hoạch, tốc độ công nghiệp hóa ở Thạch Thất sẽ diễn ra hết sức nhanh chóng và mạnh mẽ, trong đó áp dụng công nghệ thông tin và những tiến bộ mới về khoa học - công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ sẽ là nhân tố chi phối mạnh mẽ và có tính quyết định.

Trong điều kiện đó, việc ứng dụng tiến bộ mới về khoa học công nghệ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã Bình Yên. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho Bình Yên tập trung nguồn lực phát triển công nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp và đô thị và nền nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái phù hợp với tiềm năng của xã.

Vì vậy, quy hoạch tổng thể cũng như quy hoạch chi tiết các ngành, các lĩnh vực phải tính đến sự tác động của tiến bộ khoa học công nghệ, thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn xã.

1.4. Dự báo về khả năng khai thác các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn

Với các yêu cầu qui hoạch đặt ra cho giai đoạn 2008 – 2010 và tầm nhìn đến 2020, trong những năm của thời kỳ quy hoạch, Bình Yên cần lượng vốn rất lớn, bao gồm: vốn vật chất, vốn tiền tệ và vốn nhân lực phục vụ cho quá trình phát triển địa phương trên các lĩnh vực: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng, giải quyết việc làm... Đây là sức ép rất lớn đòi hỏi phải tập trung giải quyết, vì đây là một trong các yếu tố quan trọng nhất quyết định quá trình chuyển biến kinh tế- xã hội của xã theo đúng yêu cầu đặt ra.

** Về khả năng đầu tư.*

- Hiện tại, tiềm năng về đất đai của Bình Yên còn chưa được khai thác hiệu quả. Với tiềm năng về đất, một mặt, Bình Yên có thể thu hút thêm các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, và kinh doanh thương mại, dịch vụ. Nhờ vậy, khả năng thu hút vốn đầu tư có thể tăng thêm, nhất là ở dọc các tuyến đường tỉnh lộ hầu như chưa được khai thác. Mặt khác, khả năng xúc tiến việc xây dựng các cơ sở hạ tầng nhanh (không gian còn tương đối thoáng, khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng ít hơn), mức tập trung đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách cũng nhanh hơn.

- Khảo sát thực trạng kinh tế- xã hội của xã cho thấy, tuy mức độ phát triển kinh tế còn thấp, nhưng có thể huy động các nguồn lao động và tiền vốn trong dân vào phát triển công nghiệp nhỏ, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và xây dựng các cơ sở hạ tầng theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Bên cạnh đó, xã cũng có thể tranh thủ khai thác được nhiều nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ các quỹ đầu tư phát triển của Nhà nước và tỉnh, huyện. Ngoài ra trong điều kiện kinh tế mở, với vị trí thuận lợi, Bình Yên còn có thể thu hút các nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng các hạ tầng kỹ thuật cơ bản: cung cấp nước sạch nông thôn, hiện đại hóa giao thông nông thôn...

1.5. Dự báo về quy mô dân số và phát triển nguồn nhân lực.

Giai đoạn 2000 – 2007, tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân của Bình Yên đạt 2,17%/năm, chưa kể tăng cơ học. Trong những năm qui hoạch tới đây, qui mô dân số cũng như nguồn nhân lực của Bình Yên chắc chắn sẽ còn tăng, với tốc độ bình quân hàng năm giai đoạn 2008 – 2010 khoảng 1,8%; giai đoạn 2011 – 2015 là 1,5%; và giai đoạn 2016 – 2020 là 1%. Bên cạnh tốc độ tăng dân số tự nhiên, số lao động trong tuổi cũng sẽ có xu hướng tăng theo và trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, tốc độ tăng lao động sẽ cao hơn tốc độ tăng dân số. Điều này đặt ra yêu cầu rất lớn về giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đặc biệt trong điều kiện quỹ đất không dồi dào và đất phục vụ sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm sút. Tuy nhiên, để đạt được con số này đòi hỏi có sự quan tâm, nỗ lực từ phía chính quyền và các đoàn thể của địa phương. Bảng 20 dưới đây sẽ thể hiện qui mô dân số và lực lượng lao động của địa phương giai đoạn từ nay đến năm 2020.

Bảng 20 . Dự báo dân số và lao động trên địa bàn xã

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
1. Tổng số dân	Người	9130	9805	10563	11102
2. Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	2,01	1,8	1,5	1,0
3. Số Lao động trong độ tuổi	Người	4948	5324	5757	6106
4. Tỷ lệ Lao động / dân số	%	54,19	54,3	54,5	55,0
5. Cơ cấu Lao động theo ngành					
Nông nghiệp	%	80,37	60,0	51,0	40,0
Công nghiệp, xây dựng	%	8,06	20,0	25,0	30,0
Thương mại, dịch vụ	%	8,13	16,4	20,0	25,0
Ngành khác (Quản lý Nhà nước & quản lý Xã hội)	%	3,44	3,6	4,0	5,0

Với tốc độ tăng dân số như xác định ở trên, đến năm 2010 tổng qui mô dân số của xã sẽ là 9805 người; năm 2015 là 10.563 người; năm 2020 là 11.102 người. Trong đó, tỷ lệ dân số trong tuổi lao động của các giai đoạn này sẽ tương ứng là 54,3; 54,4 và 55% dân số. Ngoài ra trên địa bàn xã sẽ có một lượng lao động đáng kể từ bên ngoài vào tham gia sản xuất trong khu công nghiệp. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp vẫn cao nhất nhưng tỷ trọng tổng giá trị sản xuất nông nghiệp sẽ nhỏ nhất vì năng suất lao động trong nông nghiệp luôn thấp hơn các ngành khác.

** Về cơ cấu lao động:*

Trong những năm tới đây, chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn xã sẽ diễn ra khá nhanh do có sự tác động của việc hình thành hai trung tâm thương mại và các điểm sản xuất công nghiệp, các cơ sở, cụm kinh doanh dịch vụ. Theo đó, mức giảm tỷ trọng của lao động nông nghiệp sẽ phải rất nhanh, khoảng 3%/ năm; mức tăng tỷ trọng lao động công nghiệp là 1%/năm. Với tốc độ này, đến năm 2010 cơ cấu lao động trong các ngành nông nghiệp; công nghiệp; và dịch vụ sẽ là: 60 %; 20% và 16,4%. Năm 2020, cơ cấu lao động các ngành tương ứng là: 40%; 30% và 25%.

II- ĐÁNH GIÁ NHỮNG THẾ MẠNH VÀ NHỮNG HẠN CHẾ, THÁCH THỨC CHỦ YẾU CỦA BÌNH YÊN THỜI KỲ TỪ 2008-2010 VÀ 2011-2020

2.1. Những thế mạnh chủ yếu.

- Vị trí liền kề khu công nghệ cao Hòa Lạc, khi khu công nghệ này được xây dựng và đi vào hoạt động, xã có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển thương mại, dịch vụ và giao lưu các sản phẩm hàng hóa phục vụ cho khu công nghiệp và các khu đô thị trong và ngoài xã
- Hệ thống giao thông thuận lợi : Quốc lộ 21A đi qua khu vực phía Tây Nam và đường tỉnh lộ 420 đi qua trung tâm xã sau khi nâng cấp và mở rộng sẽ có chất lượng tốt đi qua. Góp phần thúc đẩy giao lưu hàng hóa với các địa phương khác trong khu vực và cả nước. Ngoài ra, đây là điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên vật liệu và tiêu thụ hàng hóa đối với hoạt động sản xuất công nghiệp.
- Nguồn lao động dồi dào, cần cù chịu khó, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường, có thể tiếp cận nhanh chóng với khoa học kỹ thuật mới, tiếp thu phát triển các ngành nghề mới phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của địa phương.
- Bình Yên còn khá nhiều đất phục vụ cho phát triển sản xuất công nghiệp và dịch vụ; đặc biệt là các khu vực bám theo 2 phía mặt đường quốc lộ và tỉnh lộ. Diện tích đất này hiện đang sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, nên việc bồi thường giải phóng mặt bằng là khá thuận lợi.
- Nền đất cao, có kết cấu chắc, thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng công nghiệp, đô thị.
- Hệ thống các trường được đầu tư nâng cấp và trường tiểu học đã đạt chuẩn quốc gia, có đội ngũ giáo viên đông đảo, có trình độ. Trạm y tế được xây dựng

kiên cố và có đội ngũ y bác sỹ và cộng tác viên có tinh thần trách nhiệm. Đây là động lực rất lớn thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- .Nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài phong phú : nhiều lao động là con em của địa phương đang làm việc ở mọi miền luôn có ý thức đầu tư xây dựng quê hương, nhiều cư dân ở các vùng lân cận đến cư trú tại địa phương.
- Ngoài ra, Bình Yên còn có một thế mạnh vô hình đó là có hệ thống chính quyền cơ sở vững mạnh, trẻ, có tri thức, đoàn kết và có quyết tâm trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2.2. Những thách thức đối với Bình Yên trong thập kỷ tới

- Về giải quyết việc làm.

Bình Yên là một xã nông nghiệp đang trong quá trình chuyển đổi để trở thành một xã thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lực lượng lao động nông nghiệp hiện nay đang chiếm tới hơn 80% tổng số lao động. Khi phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ theo hướng chung của huyện, tất yếu đất đai sản xuất nông nghiệp sẽ bị thu hẹp để nhường diện tích đất cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Điều này đặt ra cho Bình Yên những thách thức trong giai đoạn tới. Cụ thể.

Quy mô sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp phải đi đôi với tăng cường năng lực sản xuất và đầu tư theo chiều sâu, chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với yêu cầu mới về sản phẩm của các khu đô thị và khu công nghiệp, xã có thể đối mặt với nguy cơ tụt hậu trong sản xuất nông nghiệp, nếu không có biện pháp chuyển đổi mô hình sản xuất trong nông nghiệp.

Trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, phần lớn lao động được giải phóng ra khỏi nông nghiệp chưa qua đào tạo, không có trình độ chuyên môn, không thể thu hút ngay vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nếu địa phương không có chính sách chủ động đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động nông nghiệp và tạo việc làm mới cho lực lượng đến tuổi lao động gia tăng hàng năm thì sẽ dẫn đến tình trạng thiếu việc làm cục bộ ở một số nhóm dân cư hoặc tình trạng thất nghiệp ở lực lượng mới tham gia lao động hoặc những lao động mất đất sản xuất nông nghiệp.

- Ô nhiễm môi trường:

Đây cũng là một nguy cơ lớn, tiềm ẩn trong sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nếu địa phương không có sự quan tâm đúng mức, việc ô nhiễm môi trường là điều không tránh khỏi và tác động của nó là không thể lường trước được. Ô nhiễm môi

trường không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đời sống nhân dân, mà còn ảnh hưởng đến mọi hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.

III- CÁC QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ BÌNH YÊN

3.1. Quan điểm 1- Quy hoạch tổng thể và định hướng chiến lược phát triển Kinh tế - xã hội của xã nằm trong chiến lược phát triển Kinh tế - xã hội của Huyện.

Là một bộ phận cấu thành của Thạch Thất, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Bình yên tất yếu phải phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ phát triển của Huyện trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thạch Thất đến năm 2010, định hướng đến 2020 đã xác định quan điểm: *“Phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tập trung khai thác các lợi thế và tiềm năng của Thạch Thất, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, giữ gìn môi trường sinh thái, tạo sự công bằng xã hội trong cuộc sống dân cư, giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội”*⁶.

Để đạt được mục tiêu đó, cần khai thác và phát huy mọi nguồn lực để xây dựng Thạch Thất có kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, môi trường bền vững; bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; phát triển kinh tế huyện với tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu hợp lý, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.

Theo định hướng trên, qui hoạch tổng thể trên địa bàn Xã, một mặt phải điều tra, đánh giá tiềm năng và lợi thế so sánh của xã, mặt khác phải đặt trong tổng thể chiến lược phát triển dài hạn của Thạch Thất. Điều đó cũng có nghĩa là trong quá trình xây dựng và thực hiện qui hoạch tổng thể, cần tính đến sự phối hợp đồng bộ giữa qui hoạch của xã với qui hoạch của huyện và các ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thạch Thất, tạo ra sự phân công hợp tác có kế hoạch trong một cơ cấu thống nhất trên phạm vi toàn huyện.

3.2. Quan điểm 2- Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phải đi trước phù hợp với xu thế công nghiệp hoá và đô thị hoá.

Một trong những vấn đề cấp bách của đô thị hoá là yêu cầu xây dựng nhanh kết cấu hạ tầng địa phương, trước hết là hệ thống đường giao thông, cấp nước, thoát nước, công trình phúc lợi công cộng. Hiện tại, các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật Bình yên còn kém đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi các mô hình trong nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang công nghiệp và dịch vụ. Vì vậy, trong qui hoạch

⁶ Trang 38, Mục 2.1: Quan điểm phát triển – Thạch Thất tháng 1/2006.

cần chú ý xác định sự phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng là yêu cầu, đồng thời là một nội dung cơ bản của qui hoạch.

So với các xã lân cận, hiện nay Bình yên có điều kiện thuận lợi hơn trong việc giải phóng mặt bằng, thực hiện các công trình xây dựng theo qui hoạch. Vì vậy, trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, vấn đề triển khai xây dựng nhanh và đồng bộ sẽ có thuận lợi hơn. Tuy nhiên, lợi thế này sẽ dần dần bị mất đi nếu không có những giải pháp cụ thể để bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội theo qui hoạch, kế hoạch đã xác định, trước hết là qui hoạch sử dụng đất. Mặt khác, do phải xây dựng hầu như từ đầu nên cần có nguồn vốn và khối lượng các hạng mục xây dựng rất lớn. Vì vậy, khi xây dựng qui hoạch cần tính toán sự phối hợp đồng bộ với bước đi hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

3.3. Quan điểm 3- Phát triển và tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững

Là địa phương có điểm xuất phát về kinh tế thấp hơn một số xã khác trong huyện, nên việc thực hiện đồng thời các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng là thách thức rất lớn. Vì vậy, trong quá trình phát triển, cần bảo đảm sự kết hợp hài hoà giữa giải quyết các vấn đề trước mắt và lâu dài, giữa các ngành, các lĩnh vực, đồng thời tạo mọi điều kiện để thực hiện theo định hướng chiến lược đã xác định, thực chất là phát triển bền vững. Muốn vậy, cần phải xác định đúng các khâu đột phá, các lĩnh vực mũi nhọn để đi tắt, đón đầu nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. *Trong đó, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phải đi trước một bước và theo phương châm tập trung, hiện đại, dứt điểm để tạo cơ sở cho các ngành dịch vụ phát triển.*

Về thực chất, sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá có tính qui luật riêng. Trong đó, mức độ và tốc độ đầu tư cao cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng đô thị, chuyển dịch cơ cấu kinh tế là những yêu cầu cơ bản nhất. Có như vậy, sự phát triển kinh tế - xã hội mới thực sự tương xứng với tiềm năng, vị trí của xã và Bình yên mới thực sự chủ động hội nhập với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhanh của Thạch Thất nói chung.

3.4. Quan điểm 4- Phát triển toàn diện kinh tế - văn hoá - xã hội

Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá - xã hội, giữ vững bản sắc văn hoá truyền thống; bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, tăng cường an ninh quốc phòng; giữ gìn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đây là một quan điểm cơ bản cần được quán triệt khi xây dựng và thực hiện qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Coi phát triển giáo dục là mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII đã chỉ rõ: “Giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu”. Do vậy, việc đầu tư

phát triển giáo dục là đầu tư cho tương lai; là đầu tư mang tính hiệu quả và bền vững nhất.

Không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân, phấn đấu nâng dần tuổi thọ của người dân. Bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa địa phương. Tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao đời sống nhân dân cũng như tăng cường thể lực con người địa phương.

3.5. Quan điểm 5- Các mục tiêu trong quy hoạch là định hướng cho công tác chỉ đạo của các nhà quản lý và là cơ sở thu hút kêu gọi các nhà đầu tư.

Các mục tiêu về phát triển kinh tế xã hội được xây dựng trong quy hoạch là định hướng để chỉ đạo của các nhà lãnh đạo và quản lý xây dựng các chính sách, biện pháp cụ thể trong từng năm. Đồng thời là định hướng để thu hút các nhà đầu tư trong các lĩnh vực khác nhau. Những hoạt động kinh doanh, những sản phẩm, mặt hàng cụ thể do chính người sản xuất kinh doanh lựa chọn cho phù hợp với nhu cầu thị trường.

IV- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

4.1. Phương hướng và mục tiêu tổng quát

- **Phương hướng:** *Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố khối đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế và tiềm năng, mở rộng nhanh chóng quy mô ngành thương mại và dịch vụ, công nghiệp & xây dựng, phát triển vững chắc nông nghiệp.*

- **Mục tiêu tổng quát :** *Xây dựng xã Bình yên thành một đô thị có công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ phát triển, đến 2015 là đô thị phía tây của huyện Thạch thất với chức năng cung cấp dịch vụ, hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống của dân cư khu vực, đồng thời là một đô thị có nông nghiệp hàng hoá chất lượng cao cung cấp lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong xã và một phần nhu cầu của khu công nghệ cao Hoà lạc.*

4.2. Phương hướng phát triển kinh tế xã hội đến 2015, tầm nhìn đến năm 2020

+ Hình thành mạng lưới thương mại, dịch vụ sản xuất với 3 chức năng :

(1) Cung cấp vật tư nông nghiệp và hàng tiêu dùng trên cơ sở hình thành các đại lý, cửa hàng, khai thác đoạn đường 420 và 21A đi qua địa bàn xã, quản lý, khai thác tốt những cơ sở hiện có.

(2) Tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản thông qua các chợ, đại lý tại địa bàn xã.

(3) Tổ chức hệ thống dịch vụ nhà ở cho thuê, nhà hàng, ăn uống, phát huy lợi thế về vị trí và truyền thống hiện có để thu hút khách trong huyện.

+ Phát triển công nghiệp theo hướng mở rộng quy mô các ngành trên cơ sở phát huy lợi thế về lao động truyền thống. Hình thành các điểm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Sản xuất vật liệu xây dựng cung cấp đủ cho nhu cầu xây dựng địa phương, tích cực nghiên cứu mở rộng mặt hàng. Đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất thêm các mặt hàng mới, tiêu thụ rộng rãi trong vùng, có khả năng vươn tới thị trường các vùng lân cận. Mở rộng quy mô các hoạt động dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, trên cơ sở tích cực nghiên cứu thị trường, tìm thị trường ổn định. Tổ chức hiệp hội, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

+ Phát triển nông nghiệp và thủy sản theo hướng tập trung hoá, công nghiệp hóa, tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Tổ chức sản xuất nông sản hàng hóa : sản xuất nông nghiệp bền vững, lúa chất lượng cao, nâng cao hiệu quả kinh tế các trang trại. Trên cơ sở tổ chức tốt hệ thống cung ứng vật tư, cung cấp giống cây, con đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Là một xã đòi hỏi liên kết khu công nghệ cao, có điều kiện thuận lợi về sản xuất rau quả, hình thành vùng rau sạch chất lượng cao là khả thi và phù hợp xu thế thị trường. Đến 2020 rau sạch của Bình yên phải có thương hiệu riêng đối với khu vực và vươn tới thị trường Hà nội.

Cơ cấu kinh tế của xã đến năm 2010 sẽ là: Nông nghiệp, thủy sản - Thương mại, dịch vụ - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp . Đến năm 2015 sẽ là Thương mại, dịch vụ - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp, thủy sản.

Về mặt xã hội, Bình yên sẽ phát triển theo xu hướng đô thị hóa nông thôn. Trên cơ sở phát triển kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao nhanh chóng sự hình thành lối sống đô thị cũng diễn ra nhanh chóng. Sản xuất kiểu công nghiệp được áp dụng vào nông nghiệp. Người nông dân sẽ bớt nặng nhọc, số lượng lao động công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng ... những điều đó sẽ làm cho xã hội thay đổi nhanh.

4.3. Mục tiêu kinh tế xã hội chủ yếu đến năm 2010 và 2015, định hướng đến năm 2020.

Mục tiêu kinh tế

Phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững, phấn đấu đạt và vượt mức bình quân chung của huyện.

Tổng giá trị sản xuất giai đoạn 2008-2010 tăng trưởng với tốc độ từ 14 % đến 15%/năm, và giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng với tốc độ từ 20 % đến 21 %/năm. Tổng giá trị sản xuất năm 2010 đạt trên 46 tỷ đồng, năm 2015 đạt trên 120 tỷ đồng.

Giai đoạn 2008-2010 : Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân từ 23% đến 25%/năm; Nông nghiệp và thủy sản từ 6 đến 7% ; Ngành thương mại và dịch vụ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 23% đến 25% /năm.

Giai đoạn 2011-2015 : Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân từ 26% đến 30% /năm; Nông nghiệp và thủy sản từ 8 xuống 7,5% ; Ngành thương mại và dịch vụ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 27% đến 30% /năm.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách căn bản, giảm tỷ trọng nông nghiệp xuống dưới 45 % vào năm 2010, xuống dưới 25 % vào năm 2015. Tăng tỷ trọng công nghiệp lên 20% vào năm 2010 trên 25% vào năm 2015. Tăng tỷ trọng thương mại và dịch vụ lên trên 30% vào năm 2010 và lên 50% vào năm 2015.

Mục tiêu xã hội

Phát triển Bình yên theo hướng đô thị hoá nông thôn, không ngừng nâng cao trình độ dân trí của người dân trên cơ sở tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội, đoàn thể.

Tiến hành quy hoạch cải tạo các khu dân cư cũ, quy hoạch mới các khu đất giãn dân, đất đầu giá và khu dân cư mới. Định hướng xây dựng nhà ở theo hướng hoá, tiết kiệm đất, hiệu quả .

Kiểm soát tăng dân số: Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1,5 %/năm vào năm 2010, xuống dưới 1% vào năm 2015.

Giải quyết việc làm (về cơ bản) cho 1500 lao động bị thu hồi đất thông qua phát triển thương mại dịch vụ và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, đến 2010 đạt 30 %, đến 2015 đạt 50% lao động qua đào tạo.

Phấn đấu đến năm 2010 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo theo tiêu chí hiện nay. Nâng cao một bước đời sống của dân cư ở mức trung bình khá so với mức sống bình quân chung của toàn huyện.

Nâng cao chất lượng giáo dục các cấp. Không ngừng nâng cao trình độ dân trí của nhân dân trên cơ sở hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

Đảm bảo vệ sinh môi trường trong sạch, đến 2010 có 60% dân cư được dùng nước sạch, đến 2015 chỉ tiêu này là 80%.

Giữ vững trật tự an ninh, chính trị xã hội ổn định.

V- PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

5.1. Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và thủy sản

- Quan điểm quy hoạch: Phát huy tối đa lợi thế về đất đai, khai thác mọi tiềm năng về lao động và các nguồn lực khác trong nông nghiệp để đẩy mạnh hơn nữa tốc độ phát triển nông nghiệp, chuyển nhanh sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng cao và đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp:

+ Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành một số vùng chuyên canh cây trồng như trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, rau sạch chất lượng cao, khu vực trồng lúa chất lượng cao.

+ Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng cường đầu tư, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nông nghiệp.

+ Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư, bảo vệ thực vật, tích cực chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ theo hướng tăng cường sử dụng giống mới có năng suất cao, chất lượng cao. Tập trung đầu tư thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích cây vụ đông. Nâng hệ số sử dụng đất lên 3 lần, đưa nhanh giá trị sản xuất / ha canh tác đạt 50 triệu đồng.

+ Phân đấu đến 2010 tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp đạt 20 tỷ đồng, đến năm 2015 đạt trên 28 tỷ đồng.

5.1.1. Quy hoạch ngành trồng trọt .

Trong giai đoạn quy hoạch ngành trồng trọt tập trung phát triển theo chiều sâu, tập trung thâm canh sản xuất để đạt giá trị sản lượng bình quân đến năm 2010 là 40 triệu đồng / ha và đến 2015 là 50 triệu đ/ ha. Phân đấu đạt giá trị sản xuất ngành trồng trọt đến 2010 là 8,5 tỷ đồng và đến 2015 là 10 tỷ đồng.

Dự kiến quy mô sản xuất một số cây trồng chủ yếu trong giai đoạn quy hoạch trong bảng 21.

Bảng 21- Dự kiến quy mô diện tích gieo trồng một số cây trồng chủ yếu

Đơn vị tính : ha

TT	Các loại cây trồng chính	Năm 2006	Năm 2010	Năm 2015
1	Diện tích gieo trồng Lúa	461	374	314
3	Đậu tương	35	50	50
4	Hoa các loại	0	2	4
6	Rau sạch	0	6	10

Xây dựng cánh đồng lúa chất lượng cao với diện tích canh tác dự kiến khoảng 40 ha (bằng 21% diện tích canh tác lúa của năm 2010). Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tập trung đưa một số cây trồng có giá trị cao vào sản xuất như trồng rau sạch, trồng hoa để cung cấp cho các khu đô thị mới. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất ở một số khu vực ruộng trũng trồng lúa bắp bênh sang mô hình sản xuất trồng lúa kết hợp nuôi cá, dự kiến đến 2010 sẽ chuyển khoảng 15-20 ha đất vùng cao sang các mô hình sản xuất mới như cây ăn quả, trồng hoa và cây cảnh. Cây lạc được đưa vào vụ đông nhằm đa dạng hóa sản phẩm và được bố trí ở những vùng chuyển màu thuận tiện tưới, tiêu. Một số cây trồng như đậu tương là những cây vụ đông có chất lượng tốt, nông dân trong xã đã có nhiều năm kinh nghiệm trồng các loại cây này, sẽ tiếp tục duy trì trong giai đoạn quy hoạch và tập trung đầu tư thâm canh nhằm tăng năng suất cao hơn. Quy hoạch từ 6 -10 ha ruộng có điều kiện canh tác thuận lợi sang mô hình sản xuất rau sạch cung cấp cho thị trường khu vực đô thị Hoà lạc, khu công nghệ cao. Dự kiến bố trí trên các diện tích cây hàng năm tại các thôn Sen trì, Phúc tiến, Yên mỹ.

Như vậy trong giai đoạn quy hoạch diện tích gieo trồng một số loại cây sẽ ổn định như đậu tương (bằng diện tích gieo trồng năm 2006 hoặc 2005). Diện tích lúa giảm nhưng số vụ gieo trồng cũng như năng suất của tất cả các loại cây trồng đều tăng.

Vấn đề then chốt trong thực hiện phương án quy hoạch ngành trồng trọt là thực hiện chuyển đổi từ phương thức sản xuất phân tán manh mún sang sản xuất tập trung theo các mô hình sản xuất trang trại Lúa-Cá-Cây ăn quả, Hoa, cây cảnh-Thủy cầm-chăn nuôi lợn; mô hình trang trại sản xuất rau sạch; trang trại trồng lúa chất lượng cao với quy mô diện tích tập trung và trồng cây trồng vụ đông. Trong thời gian tới khi các hoạt động sản xuất công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn huyện và các vùng phụ cận phát triển, sức thu hút lao động và tiền công của người lao động làm trong các lĩnh vực này sẽ cao hơn nhiều so với thu nhập từ sản xuất nông nghiệp. Khi đó, phương thức sản xuất nông nghiệp theo quy mô nhỏ lẻ như hiện nay sẽ không còn thích ứng, không có sức cạnh tranh do hiệu quả mang lại thấp. Do vậy xu hướng tất yếu phải chuyển đổi sang phương thức sản xuất nông nghiệp tập trung với quy mô lớn, sản xuất hàng hoá và chuyên môn hoá theo các mô hình kinh tế trang trại. Để đạt được điều đó, trong những năm tới nông nghiệp của Bình yên cần đẩy mạnh các dự án chuyển đổi sản xuất, trước hết là chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa bắp bênh thuộc các cánh đồng chân rộc sang mô hình lúa - cá, cây ăn quả và cây cảnh, chăn nuôi thủy cầm và nuôi lợn kết hợp (Khu vực Lỗ sù, Lỗ mỹ, thôn Yên mỹ, Khoang sòi, Giếng hòm thôn Đồi sen, ..). Đồng thời xúc tiến chuyển đổi một số diện tích đất màu mỡ, chủ động về tưới tiêu cải tạo thành cánh đồng trồng hoa và rau sạch phục vụ nhu cầu tiêu dùng của thị trường khu đô thị và khu công nghệ cao Hoà Lạc. Để làm được việc này, một mặt cần có sự

hỗ trợ về tiền vốn đầu tư cho việc cải tạo đồng ruộng, chi phí đào đất đắp bờ cũng như chương trình khuyến nông chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các mô hình sản xuất nông nghiệp mới. Cùng với đó, cần đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi đủ đảm bảo chủ động cung cấp đủ nước sạch cho sản xuất và tiêu úng kịp thời vào mùa mưa cho khu vực sản xuất nông nghiệp chuyển đổi. Để khắc phục trở ngại hiện nay về khả năng tập trung ruộng đất giữa các hộ nông dân, một mặt cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền thuyết phục để người dân nhận thức được lợi ích của việc xây dựng mô hình chuyển đổi, mặt khác cần xây dựng các cơ chế tập trung ruộng đất như cho thuê đất, đóng góp cổ phần bằng đất đai hoặc xây dựng các hình thức hợp tác trong sản xuất. Đặc biệt, đến thời điểm hết hạn giao đất nông nghiệp (năm 2013) cần tích cực triển khai các phương án chuyển đổi ruộng đất (ở các vùng quy hoạch chuyển đổi) theo hướng tập trung hoá.

Ngoài ra, để đạt được diện tích gieo trồng cũng như năng suất cây trồng cao, ngành trồng trọt cần thực hiện tốt các giải pháp cụ thể sau:

- Về thủy lợi: Tập trung bảo dưỡng tốt hệ thống kênh mương đã được bê tông hóa, xây dựng thêm các trạm tưới, tiêu mới để bảo đảm tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích đất canh tác nông nghiệp

- Về giống: mạnh dạn đưa các giống mới có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất, xây dựng cánh đồng lúa cao sản và lúa chất lượng cao, tiến hành nhân rộng và sử dụng đại trà để tạo ra các nông sản có giá trị hàng hóa cao.

- Công tác khuyến nông: Tích cực triển khai các hoạt động khuyến nông như cung cấp các dịch vụ, đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho nông dân về kỹ thuật gieo cấy và chăm sóc cây trồng vụ đông.

- Có chính sách đầu tư hỗ trợ việc chuyển đổi các mô hình sản xuất sang nuôi trồng thủy sản kết hợp cây ăn quả, cải tạo đồng ruộng sang trồng rau sạch, hoa, cây cảnh.

5.1.2 Quy hoạch ngành chăn nuôi.

Mục tiêu : Ngành chăn nuôi phát triển toàn diện và trở thành ngành chính trong sản xuất nông nghiệp của xã. Phấn đấu đến 2010 giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt trên 10 tỷ đồng và đến 2015 đạt trên 13 tỷ đồng.

Quan điểm : Ổn định đàn bò như năm 2006, Giảm đàn trâu khôi phục đàn lợn và gia cầm trong các hộ như năm 2005; phát triển đàn lợn tập trung với quy mô bằng và lớn hơn đàn lợn trong các hộ gia đình. Giảm chăn nuôi trong các hộ gia đình trong quá trình đô thị hóa.

Cụ thể : đối với đàn trâu, bò: Do nhu cầu sức kéo đã được thay thế bằng cơ giới hóa nên đàn trâu bò dự kiến phát triển chủ yếu để lấy thịt cung cấp cho thị trường, chủ yếu là phát triển đàn bò .

Đối với đàn lợn: Với các mô hình chăn nuôi trang trại, chăn nuôi công nghiệp và đẩy mạnh phát triển đàn lợn tỷ lệ nạc cao. Giảm chăn nuôi trong các hộ gia đình.

Đối với đàn gia cầm: đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập trung, phấn đấu đạt khoảng 62000 con vào năm 2010 và giữ ổn định như vậy đến 2015. Phát triển các giống gà, vịt siêu trứng, siêu thịt.

Dự kiến về quy mô tối thiểu đàn gia súc, gia cầm mà xã cần đạt được vào các thời điểm quy hoạch bằng với quy mô các năm cao nhất trong thời kỳ 5 năm qua. Kết quả dự kiến được trình bày qua bảng 22.

Bảng 22 - Dự kiến quy mô tối thiểu đàn gia súc gia cầm

Đơn vị tính : con

Các loại gia súc, gia cầm	Năm 2006	Năm 2010	Năm 2015
Đàn trâu	172	137	100
Đàn bò	1376	1376	1376
Đàn lợn tại các hộ gia đình	4850	4000	2000
Đàn lợn chăn nuôi tập trung	0	2000	4000
Gia cầm	46240	62000	62000

Quan điểm trên nhằm thực hiện mục tiêu trên trong giai đoạn quy hoạch đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hạn chế ô nhiễm môi trường và dịch bệnh.

Để ổn định chăn nuôi đại gia súc, một mặt tận dụng các thức ăn sẵn có là sản phẩm phụ của ngành trồng trọt, nhất là các cây màu chế biến thành thức ăn đồng thời tận dụng các diện tích sẵn có trồng cây thức ăn gia súc làm thức ăn xanh cho chăn nuôi. Đối với chăn nuôi gia cầm và thủy cầm chủ yếu thực hiện theo phương thức bán công nghiệp tại các trang trại chuyển đổi mô hình kết hợp thả cá trồng cây ăn quả và cây cảnh. Các khu vực chăn nuôi cần quy hoạch tách biệt so với các khu dân cư, xa các trung tâm thương mại dịch vụ để đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng trừ dịch bệnh. Chăn nuôi lợn chủ yếu thực hiện theo phương thức chăn nuôi công nghiệp tập trung trong các trang trại chuyên chăn nuôi hoặc kết hợp chăn nuôi với thủy sản.

5.1.3 Quy hoạch ngành thủy sản .

Trong giai đoạn quy hoạch diện tích chuyên nuôi trồng thủy sản không mở rộng diện tích chuyên dùng mà phát triển thủy sản theo chương trình chuyển đổi mô hình sản xuất ở khu vực các chân ruộng trũng 2 vụ lúa.

Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản ở các mô hình đã chuyển đổi, trên cơ sở các ruộng trũng, các khu vực trồng 1 vụ lúa bắp bênh sang trồng 1 vụ lúa kết hợp thả cá, mở rộng

mô hình trang trại, đắp bờ ao trồng cây ăn quả, dưới thả cá và nuôi gia cầm. Nâng cao sản lượng ngành thủy sản và tăng dần tỷ trọng ngành thủy sản trong nông nghiệp.

Để có kỹ thuật chăn sóc và phát triển ngành nuôi trồng thủy sản đồng bộ và hiệu quả kinh tế cao, cần phải tổ chức tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, tập huấn cho nông dân để nâng cao tay nghề và kiến thức về nuôi trồng thủy sản. Đưa một số giống cá phù hợp, có giá trị cao vào để cải thiện các mô hình nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao giá trị sản xuất ngành nuôi trồng thủy sản.

5.1.4 Phương án quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và thủy sản

+ Dự kiến tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp và thủy sản :

Trên cơ sở phát triển từng ngành trong nông nghiệp, dự kiến trong giai đoạn quy hoạch ngành nông nghiệp sẽ tăng trưởng như trong bảng 23 và cụ thể cho từng ngành như sau :

Bảng 23- Dự kiến giá trị sản xuất ngành nông nghiệp trong giai đoạn quy hoạch
(Giá cố định 1994)

TT	Ngành	Tốc độ tăng trưởng BQ giai đoạn quá khứ (%)		Tốc độ tăng trưởng BQ giai đoạn QH (%)	
		2003-2000	2000-2007	2008-2010	2011-2015
1	Trồng trọt	5,7	5,5	4	3
2	Chăn nuôi	12,7	12,4	7	6
3	Thủy sản	4,2	-4,0	2	3
	Tổng giá trị sản xuất	8,6	8,3	6	5

Ngành trồng trọt: Trong giai đoạn từ 2007 đến 2010 diện tích trồng lúa giảm khoảng 100 ha, nhưng diện tích các cây khác ổn định và tăng, tăng năng suất cây trồng tăng nên tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn này là 4%/năm, đến giai đoạn 2011-2015 diện tích trồng lúa giảm khoảng 50 ha, nhưng các cây khác ổn định và mở rộng, kết hợp tăng năng suất cây trồng do đó tốc độ tăng trưởng giai đoạn này là 3 %/năm.

Ngành chăn nuôi: Được duy trì mức tăng trưởng tương đối đều trong thời gian quy hoạch, chủ yếu là do chuyển đổi sang mô hình chăn nuôi công nghiệp ở đàn lợn và phát triển chăn nuôi gia cầm kết hợp ở các mô hình chuyển đổi lúa, cá.

Ngành thủy sản: trong giai đoạn 2008-2010 tốc độ tăng trưởng bình quân năm cao, chỉ đạt 2 % là do diện tích nuôi trồng thủy sản bị giảm do quy hoạch của Chính phủ . Đến giai đoạn từ 2010 đến 2015 tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 3%, chủ yếu là do tăng năng suất, và mở rộng quy mô qua các mô hình chuyển đổi.

Nhờ có việc tăng vụ, thay đổi cơ cấu cây trồng, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, do đó cơ cấu các ngành trong nông nghiệp được chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản. (Xem bảng 24).

Bảng 24- Dự kiến cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp

Đơn vị tính: %

Ngành	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015
Trồng trọt	48,40	45,03	41,59
Chăn nuôi	49,94	53,56	57,11
Thủy sản	1,66	1,40	1,30
Tổng giá trị sx	100,00	100,00	100,00

Qua bảng trên cho thấy ngành chăn nuôi trong giai đoạn quy hoạch trở thành ngành chính, có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản xuất của ngành nông nghiệp, với tốc độ tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi cao hơn tốc độ quy hoạch chung của huyện, đến năm 2010 tỷ trọng ngành chăn nuôi của huyện đạt 55%, đến 2020 là 60%. Trên cơ sở dự kiến ta xây dựng các phương án cho ngành nông nghiệp như các bảng 25,26,27.

Bảng 25. Phương án 1- Phương án tăng trưởng ngành nông nghiệp trong điều kiện kinh tế xã hội phát triển không thuận lợi

Dự báo	Giá trị SX theo giá cố định (tr. đồng.)			Tốc độ tăng trưởng (%)		Cơ cấu SX (%)		
	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015	2008-2010	2011-2015	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015
Trồng trọt	6985	8097,5	8940,3	3	2	48,40	41,66	33,02
Chăn nuôi	7207	11088,9	17858,7	9	10	49,94	57,05	65,95
Thủy sản	240	252,2	278,5	1	2	1,66	1,30	1,03
Tổng GTSX	14432	19438,6	27077,5	6,5	6	100,0	100,0	100,0

Bảng 26. Phương án 2- Phương án tăng trưởng ngành nông nghiệp trong điều kiện kinh tế xã hội phát triển ở mức trung bình

Dự báo	Giá trị SX theo giá cố định (tr. đồng.)			Tốc độ tăng trưởng (%)		Cơ cấu SX (%)		
	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015	2008-2010	2011-2015	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015
Trồng trọt	6985	8498,3	9851,9	4	3	48,40	45,03	41,59
Chăn nuôi	7207	10108,2	13527,0	7	6	49,94	53,56	57,11
Thủy sản	240	265,0	307,2	2	3	1,66	1,40	1,30
Tổng GTSX	14432	18871,5	23686,1	6	5	100,0	100,0	100,0

Bảng 27. Phương án 3- Phương án tăng trưởng ngành nông nghiệp trong điều kiện kinh tế xã hội phát triển phát triển thuận lợi

Dự báo	Giá trị SX theo giá cố định (tr. đồng.)			Tốc độ tăng trưởng (%)		Cơ cấu SX (%)		
Ngành	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015	2008- 2010	2011- 2015	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015
Trồng trọt	6985	8914,8	10334,7	5	3	48,40	46,19	42,71
Chăn nuôi	7207	10108,2	13527,0	7	6	49,94	52,37	55,90
Thủy sản	240	278,2	338,5	3	4	1,66	1,44	1,40
Tổng GTSX	14432	19301,2	24200,3	6	4,5	100,0	100,0	100,0

5.2. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và xây dựng

5.2.1. Quan điểm quy hoạch phát triển công nghiệp

- Phát triển ngành công nghiệp và xây dựng phải phù hợp với xu thế đô thị hoá, tiềm năng phát triển của Xã và qui hoạch, yêu cầu phát triển chung của ngành công nghiệp trên địa bàn huyện Thạch Thất.

- Phát triển công nghiệp, xây dựng trên địa bàn Xã phải đảm bảo ít gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, tạo điều kiện cho các ngành dịch vụ, nông nghiệp cùng phát triển.

- Đẩy mạnh việc hình thành các cụm công nghiệp vừa và nhỏ. Đây có thể coi là khâu đột phá trong việc nâng cao giá trị sản xuất, tăng cường khả năng thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân.

- Phát triển công nghiệp theo hướng tập trung, nâng cao hiệu quả sản xuất. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, có trình độ tay nghề cao. Khuyến khích thu hút các ngành sử dụng nhiều lao động địa phương, đặc biệt là lao động qua đào tạo. Các ngành ưu tiên cụ thể là: dệt may; chế biến thực phẩm, và chế biến lâm sản, sản xuất đồ mộc gia dụng.

- Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên cơ sở tập trung đầu tư chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu theo hướng phát triển các sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường, bảo đảm chủ động hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

- Có cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất lâu dài trong các cụm công nghiệp đã được quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các thành phần kinh tế đầu tư lâu dài, khuyến khích đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

5.2.2. Phương án quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và xây dựng

+ Mục tiêu phát triển ngành công nghiệp và xây dựng

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng bình quân/ năm về giá trị sản xuất ngành công nghiệp trên địa bàn Xã; cụ thể giai đoạn 2008 - 2010 là 23 - 25%, giai đoạn 2011 - 2015 là 27 -30% và giai đoạn 2016 - 2020 là 23 - 25%. Trong đó, ngành công nghiệp sản xuất VLXD tăng 30 % năm, các ngành cơ kim khí và chế biến gỗ đều tăng ở mức trên 23% năm. Các ngành khác trên 30%/năm.

Các dự kiến phát triển công nghiệp trên là khả thi vì:

Thứ nhất: Mức khởi điểm về giá trị sản xuất công nghiệp của Xã hiện tại còn rất thấp. Năm 2006, giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định 1994 trên địa bàn mới đạt trên 3,1 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân năm của thời kỳ 2000-2005 đã là 33%/năm. Do vậy, mục tiêu đặt ra ở trên là khả thi.

Thứ hai, Theo định hướng phát triển công nghiệp của Huyện Thạch thất đối với Bình yên, trong thời kỳ quy hoạch 2015-2020 sẽ có 1 cụm công nghiệp mới được hình thành với diện tích khoảng 10 ha. Với vị trí giao thông thuận lợi và nguồn lao động dồi dào, sức hút đầu tư của cụm công nghiệp sẽ rất lớn. Đây sẽ là cơ sở quan trọng giúp nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp trong những năm tiếp theo.

Thứ ba, do khả năng mở rộng diện tích sản xuất công nghiệp của Xã cũng có giới hạn, đặc biệt là sau năm 2020, diện tích đất cho sản xuất công nghiệp ít có sự mở rộng nên trong giai đoạn từ nay đến 2015, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp sẽ rất cao, và trong giai đoạn tiếp theo, tốc độ này chưa có xu hướng giảm dần.

- Mở rộng các cơ sở công nghiệp hiện có theo cả chiều rộng và chiều sâu, nghĩa là tăng cường đầu tư mở rộng quy mô sản xuất hiện có và hiện đại hóa.

- Phát huy các nghề truyền thống: may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ mộc gia dụng ...

+ Các phương án quy hoạch:

Bảng 28. Các phương án tăng trưởng ngành công nghiệp

Dự báo	Giá trị SX theo giá cố định (tr. đồng.)			Tốc độ tăng trưởng (%)	
	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015	2008-2010	2011-2015
Phương án 1	3127	8451,368	26839,83	22	26
Phương án 2	3127	9167,192	31498,23	24	28
Phương án 3	3127	9930,717	36872,06	26	30

Phương án 1- Phương án tăng trưởng trong điều kiện không thuận lợi

Phương án 2- Phương án tăng trưởng trong điều kiện bình thường

Phương án 3- Phương án tăng trưởng trong điều kiện rất thuận lợi

5.2.3. Định hướng tổ chức không gian công nghiệp

*** Bố trí các cụm công nghiệp tập trung**

Hiện nay, các cơ sở sản xuất công nghiệp của Xã chủ yếu nằm xem kẽ với các khu vực dân cư. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng mở rộng sản xuất cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở công nghiệp. Việc phát triển các cụm công nghiệp nhằm tập trung các hộ sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, góp phần giải quyết mặt bằng cho sản xuất, đảm bảo môi trường và thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn xã.

Tổng diện tích đất dành cho phát triển công nghiệp tập trung của xã đến năm 2015 là 51,16 ha được bố trí ở khu vực : Láng Sốc, Vườn chuối thôn Yên Mỹ. Trong đó có 1 cụm công nghiệp tập trung với diện tích 10 ha (Theo qui hoạch phát triển các cụm công nghiệp của Huyện Thạch Thất đã được phê duyệt)

Như vậy ở khu vực phát triển công nghiệp sẽ bao gồm các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng hiện nay và thu hút các cơ sở công nghiệp phân tán trong các thôn.

*** Bố trí các cơ sở công nghiệp phân tán**

Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp của xã hiện nằm rải rác ở cả các thôn trong xã với các lĩnh vực sản xuất chủ yếu là: xay xát, chế biến lâm sản, thêu ren... được bố trí phân tán. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp cần phát triển theo hướng nâng cao chất lượng và được quản lý chặt chẽ về sự tác động đến môi trường.

Về lâu dài, những cơ sở công nghiệp nhỏ lẻ, phân tán này cũng cần được quy hoạch tập trung vào các cụm công nghiệp (nếu đủ điều kiện) hoặc giải thể, tránh để hậu quả về môi trường các khu dân cư.

*** Hướng phát triển ngành xây dựng.**

- Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển các đội xây dựng trên địa bàn xã phục vụ nhu cầu xây dựng tại chỗ, giải quyết việc làm cho lao động.
- Có các chính sách thích hợp giúp đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề và cán bộ quản lý có chuyên môn phù hợp.

5.2.4. Một số giải pháp phát triển công nghiệp và xây dựng

- Mở rộng ngành sản xuất Vật liệu xây dựng khai thác thế mạnh về điều kiện tự nhiên nhằm cung cấp vật liệu xây dựng cho nhu cầu của xã và của vùng.
- Tăng cường công tác tổ chức và quản lý ngành chế biến gỗ, nghiên cứu mở rộng thị trường.

- Tổ chức ngành cơ kim khí, hình thành đội hoặc hợp tác xã kim khí, mở rộng quy mô ngành.

- Tạo cơ chế, chính sách thuận lợi cho phát triển công nghiệp : thuê đất, thuế đất, thủ tục hành chính...

5.3. Quy hoạch phát triển ngành Thương mại và dịch vụ

5.3.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển thương mại và dịch vụ

+ *Một số quan điểm :*

Thương mại và dịch vụ (trong bản quy hoạch này) bao gồm các nhóm hoạt động chủ yếu sau đây : 1) Kinh doanh bán buôn, bán lẻ của các tổ chức, các đại lý, các hộ tư nhân phục vụ nhu cầu đô thị ; 2) Kinh doanh ăn uống của các nhà hàng, các quán ăn uống; 3) Dịch vụ vui chơi giải trí; 4) Dịch vụ cho thuê nhà phục vụ nhu cầu của nhân dân khu đô thị và khu CNC ; 5) Dịch vụ vận tải, phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sửa chữa nhỏ dụng cụ gia đình.

Thương mại và dịch vụ là một ngành có thế mạnh của xã do có điều kiện vị trí địa lý và giao thông thuận lợi. Đó là một lợi thế đã được nhận thức rõ, vấn đề còn lại là làm thế nào, biện pháp nào để khai thác triệt để những tiềm năng sẵn có trong lĩnh vực này.

Về vị trí địa lý Bình yên liền kề khu công nghệ cao Hoà lạc, có tỉnh lộ 420 đi qua trung tâm xã, quốc lộ 21A đi qua khu vực phía tây nam đây là những điều kiện tốt để giao lưu hàng hoá, phát triển thương mại.

Về ngành nghề kinh doanh truyền thống nổi bật là kinh doanh nhà hàng ăn uống có uy tín với các xã trong vùng, ngoài ra các nghề khác như buôn bán, kết hợp buôn bán và sản xuất cũng tương đối phát triển.

Về tổ chức cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp như dịch vụ vận tải, làm đất đã đi vào tổ chức và có hiệu quả trong nhiều năm qua.

+ *Mục tiêu phát triển*

Trong những năm tới ngành thương mại và dịch vụ sẽ phát triển theo hướng tập trung phục vụ nhu cầu sản xuất và nhu cầu đời sống nhân dân trong xã, trong huyện và từng bước mở rộng thị trường trong tỉnh và các thành phố khác.

Về phục vụ sản xuất :

+ Hoạt động thương mại bán buôn : từng bước hình thành các đại lý hàng tiêu dùng và vật tư sản xuất nông nghiệp trên các đoạn đường qua xã. Thực hiện bán buôn kết hợp bán lẻ trong khu vực.

+ Hoạt động thương mại bán lẻ sẽ cung cấp phần lớn vật tư cho nhu cầu sản xuất của xã. Các tổ chức, cá nhân trong ngành đóng vai trò là người cung cấp vật tư đồng thời là người tiêu thụ hoặc là cầu nối để tiêu thụ hàng hoá nông sản của địa phương trên cơ sở tăng cường quan hệ với các đô thị và các trung tâm đô thị mới.

Về đáp ứng nhu cầu đời sống :

+ Hoạt động thương mại bán lẻ đáp ứng đầy đủ các mặt hàng cho nhu cầu nhân dân trên địa bàn xã và cả dân cư thuộc khu vực đô thị xung quanh .

+ Từng bước hình thành dịch vụ cho thuê nhà phục vụ nhu cầu của nhân dân khu CNC trong khu đô thị 131 ha.

+ Ngành ăn uống tăng cường thu hút khách trong vùng, nâng cao hiệu quả phục vụ.

5.3.2. Tổ chức không gian phát triển ngành thương mại và dịch vụ

+ Hình thành 2 trung tâm thương mại và dịch vụ :

1) Trung tâm thương mại 1 : *Trung tâm thương mại Hoà lạc* (Khu Đồng Lộc thôn Hoà lạc - bên trái đường 21A: Bình yên – Thị Xã Sơn tây): diện tích 4,9 ha ;

2) Trung tâm Thương mại 2 trên địa bàn Gò kép thôn Thái bình + Rộc đình thôn cánh chủ, diện tích 2 ha.

+ Hình thành mới Khu dịch trên trục đường 21A .

+ Hình thành các khu dịch vụ trong các khu đô thị.

+ Hình thành hệ thống thương mại dịch vụ dọc theo tuyến đường liên xã

5.3.3. Xây dựng các phương án

Phương án 1 - Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của ngành thương mại và dịch vụ ở mức thấp : Giai đoạn 2008-2010 là 20 % (cao hơn 3% so với tốc độ bình quân giai đoạn 2003-2005) Tổng giá trị sản xuất sẽ đạt 14,7 tỷ đồng (theo giá 1994) vào năm 2010. Giai đoạn 2011-2015 là 24% Tổng giá trị sản xuất sẽ đạt 43,2 tỷ đồng (theo giá 1994) vào năm 2015.

Phương án 2 : Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của ngành thương mại và dịch vụ ở mức trung bình : Giai đoạn 2008-2010 là 24 % Tổng giá trị sản xuất sẽ đạt 17,3 tỷ đồng (theo giá 1994) vào năm 2010. Giai đoạn 2011-2015 là 28 % Tổng giá trị sản xuất sẽ đạt 59,7 tỷ đồng (theo giá 1994) vào năm 2015.

Phương án 3 : Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của ngành thương mại và dịch vụ ở mức cao : Giai đoạn 2008-2010 là 28% Tổng giá trị sản xuất sẽ đạt 20,3 tỷ

đồng (theo giá 1994) vào năm 2010. Giai đoạn 2011-2015 là 32 % Tổng giá trị sản xuất sẽ đạt 81,6 tỷ đồng (theo giá 1994) vào năm 2015.

Bảng 29 . Các phương án quy hoạch ngành thương mại

Các phương án	Giá trị SX theo giá cố định (tr. đồng.)			Tốc độ tăng trưởng BQ giai đoạn (%)	
	Năm 2007	Năm 2010	Năm 2015	2008-2010	2011-2015
Phương án 1	5928	14750,76	43243,7	20	24
Phương án 2	5928	17378,67	59712,67	24	28
Phương án 3	5928	20368,45	81625,85	28	32

Phương án 1- Phương án tăng trưởng trong điều kiện không thuận lợi

Phương án 2- Phương án tăng trưởng trong điều kiện bình thường

Phương án 3- Phương án tăng trưởng trong điều kiện rất thuận lợi

Việc lựa chọn phương án nào cần tính đến sự phát triển chung của các ngành trong cả nước, của tỉnh Hà tây, và đặc biệt là sự phát triển các ngành trong huyện và xã. Vì các ngành phát triển thì mới có nhu cầu cung cấp và tiêu thụ sản phẩm, thu nhập dân cư tăng mới có nhu cầu tiêu dùng v.v...đó là sự ảnh hưởng dây chuyền giữa các ngành. Sự gia nhập WTO của Việt nam không phải chỉ là thuận lợi và thách thức riêng với ngành nào mà là tất cả.

Có thể chọn phương án 2 - với Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của ngành thương mại và dịch vụ ở mức trung bình trong giai đoạn 2008-2010 là 25% một năm nhờ có sự hình thành 2 trung tâm thương mại. Từ thời điểm quy hoạch đến 2010 kinh tế xã hội sẽ phát triển ổn định. Sự gia nhập WTO của Việt nam tháng 11-2006 tạo cho cả nước cũng như các địa phương nhiều thuận lợi nhưng cũng nhiều thách thức. Tuy nhiên không thể gây đột biến lớn, trong khi đó 2 trung tâm thương mại hình thành và đi vào hoạt động. Hơn nữa nếu ở giai đoạn 2008-2010 ngành thương mại và dịch vụ đã đạt tốc độ bình quân 25%/năm thì sang giai đoạn 2011-2015 hoàn toàn có thể đạt 30 % vì: tốc độ tăng trưởng bình quân của Bình yên có nhiều ảnh hưởng tích cực của các dự án của quốc gia trên địa bàn huyện, do đó phương án 2 cho giai đoạn này là khả thi.

5.3.4. Một số giải pháp

Xây dựng các chính sách kêu gọi đầu tư xây dựng 2 trung tâm thương mại tạo điều kiện cho các hộ mở cửa hàng, cửa hiệu kinh doanh trong chợ cũng như tại các khu dịch vụ.

Xây dựng các chính sách nhằm hướng việc kinh doanh vào các dịch vụ phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của địa phương (ví dụ ưu đãi thuế, ưu tiên thuê đất, cấp phép ... cho những hộ kinh doanh, tiêu thụ nông sản của địa phương). Khuyến khích các hộ mở rộng kinh doanh buôn bán trên cơ sở chấp hành đúng các quy định của pháp luật và quy định của địa phương.

Các hình thức kinh doanh : các đại lý, cửa hàng thương mại tại nhà, tại chợ cần có những quy định cụ thể phù hợp điều kiện làng xã trên cơ sở đúng pháp luật. Các nhà hàng ăn uống phải đảm bảo môi trường cảnh quan, đảm bảo vệ sinh thực phẩm, có chỗ để xe cho khách nhằm tạo hình ảnh chung về các nhà hàng ở Bình yên thu hút khách trong vùng.

Xây dựng hiệp hội các hộ kinh doanh, đại lý, nhà hàng, ăn uống để định hướng cho các hộ kinh doanh tránh khủng hoảng thừa làm giảm hiệu quả kinh tế xã hội.

Kiên toàn bộ máy hợp tác xã, tăng cường hoạt động và nâng cao hiệu quả, giảm giá thành các khâu dịch vụ.

Duy trì kinh doanh các ngành hàng có ở địa phương và phát triển các ngành hàng mới.

5.4. Tổng hợp chung các phương án quy hoạch tổng thể ngành

5.4.1. Phương án 1 : Phương án tăng trưởng trong điều kiện không thuận lợi

Phương án được đặt ra trong điều kiện tình hình kinh tế, xã hội, tự nhiên không thuận lợi cho Bình yên: Sự phát triển kinh tế của tỉnh, của huyện vẫn như hiện tại hoặc có tiến triển nhưng không đáng kể. Sự tác động của vùng đến phát triển kinh tế rất nhỏ. Ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố tự nhiên như thời tiết không thuận lợi, dịch bệnh gia súc gia cầm chưa được kiểm soát ...

Trong giai đoạn từ 2008 đến 2010 tốc độ phát triển bình quân năm của các ngành được lựa chọn như sau : Ngành công nghiệp 22% /năm (thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của tất cả các giai đoạn trong quá khứ); Ngành nông nghiệp 6,5% / năm (thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của giai đoạn quá khứ - do đất nông nghiệp bị thu hồi); Ngành thương mại và dịch vụ 20% /năm (cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân các năm gần đây) – Xem bảng 3.

Trong giai đoạn từ 2010 đến 2015 tốc độ tăng trưởng các ngành được lựa chọn như sau : Ngành công nghiệp 26% /năm (thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của quá khứ ; Ngành nông nghiệp 6% / năm (thấp hơn tốc độ tăng trưởng quá khứ); Ngành thương mại và dịch vụ 24% /năm (cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân các năm gần đây).

5.4.2. Phương án 2 : Phương án tăng trưởng trong điều kiện tương đối thuận lợi

Phương án được đặt ra trong điều kiện tình hình kinh tế, xã hội, tự nhiên tương đối thuận lợi cho Bình yên: Sự phát triển kinh tế của tỉnh, của huyện có nhiều tiến bộ

hoặc được cải thiện đáng kể. Có những tác động nhất định của vùng đến phát triển kinh tế của địa phương. Ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố dịch bệnh gia súc gia cầm đã được kiểm soát ...

Trong giai đoạn từ 2008 đến 2010 tốc độ phát triển bình quân năm của các ngành được lựa chọn như sau : Ngành công nghiệp 24% /năm (cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của 3 năm 2003-2005); Ngành nông nghiệp 6,0 % / năm (thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của các năm gần đây); Ngành thương mại và dịch vụ 24% /năm (cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân năm : 2003-2005).

Trong giai đoạn từ 2010 đến 2015 tốc độ tăng trưởng các ngành được lựa chọn như sau : Ngành công nghiệp 28% /năm (cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của ba năm 2003-2005); Ngành nông nghiệp 5% / năm (thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của giai đoạn 2000-2005); Ngành thương mại và dịch vụ 28% /năm (cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân các năm gần đây).

5.4.3. Phương án 3 : Phương án tăng trưởng trong điều kiện rất thuận lợi

Phương án được đặt ra trong điều kiện tình hình kinh tế, xã hội, tự nhiên tương rất thuận lợi cho Bình yên: Sự phát triển kinh tế của tỉnh, của huyện theo đúng những kế hoạch, quy hoạch đã đề ra. Khoa học kỹ thuật có nhiều tiến bộ hoặc được cải thiện đáng kể. Có những tác động mạnh mẽ của vùng đến phát triển kinh tế của địa phương. Ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố dịch bệnh gia súc gia cầm đã được kiểm soát, thời tiết thuận lợi.

Trong giai đoạn từ 2008 đến 2010 tốc độ phát triển bình quân năm của các ngành được lựa chọn như sau : Ngành công nghiệp 26 % /năm (cao hơn tốc độ tăng trưởng 3 năm 2003-2005 nhưng thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của 5 năm 2000-2005); Ngành nông nghiệp 6 % / năm (thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của 5 năm gần đây 2000-2005); Ngành thương mại và dịch vụ 28% /năm (cao hơn tốc độ tăng trưởng của tất cả các giai đoạn).

Trong giai đoạn từ 2010 đến 2015 tốc độ tăng trưởng các ngành được lựa chọn như sau : Ngành công nghiệp 30% /năm ; Ngành nông nghiệp 4,5% / năm ; Ngành thương mại và dịch vụ 32% /năm .

Các bảng số 30,31,32 dưới đây là tổng hợp các phương án của các ngành trên địa bàn.

Bảng 30. Tổng giá trị sản xuất các ngành năm 2010 và 2015 theo phương án 1

CÁC CHỈ TIÊU	Tổng giá trị sản xuất theo giá cố định (tr.đ.)			Tăng trưởng bình quân giai đoạn (%)		Cơ cấu tổng giá trị sản xuất (%)		
	2005	2010	2015	08- 10	11- 15	2005	2010	2015
Công nghiệp và xây dựng	3127	8451,4	26839,8	22	26	13,31	19,82	27,62
Nông nghiệp và thủy sản	14432	19438,6	27077,5	6,5	6	61,45	45,59	27,87
Thương mại và Dịch vụ	5928	14750,8	43243,7	20	24	25,24	34,59	44,51
Tổng giá trị sản xuất	23487	42640,76	97161,08	13	18	100,00	100,00	100,00

Bảng 31 . Tổng giá trị sản xuất các ngành năm 2010 và 2015 theo phương án 2

CÁC CHỈ TIÊU	Tổng giá trị sản xuất theo giá cố định (tr.đ.)			Tăng trưởng bình quân giai đoạn (%)		Cơ cấu tổng giá trị sản xuất (%)		
	2005	2010	2015	08- 10	11- 15	2005	2010	2015
Công nghiệp và xây dựng	3127	9167,2	31498,2	24	28	13,31	20,18	27,41
Nông nghiệp và thủy sản	14432	18871,5	23686,1	6	5	61,45	41,55	20,62
Thương mại và Dịch vụ	5928	17378,7	59712,7	24	28	25,24	38,26	51,97
Tổng giá trị sản xuất	23487	45417,36	114897	14,5	20	100,00	100,00	100,00

Bảng 32 . Tổng giá trị sản xuất các ngành năm 2010 và 2015 theo phương án 3

CÁC CHỈ TIÊU	Tổng giá trị sản xuất theo giá cố định (tr.đ.)			Tăng trưởng bình quân giai đoạn (%)		Cơ cấu tổng giá trị sản xuất (%)		
	2005	2010	2015	08- 10	11- 15	2005	2010	2015
Công nghiệp và xây dựng	3127	9930,7	36872,1	26	30	13,31	20,02	25,84
Nông nghiệp và thủy sản	14432	19301,2	24200,3	6	4,5	61,45	38,91	16,96
Thương mại và Dịch vụ	5928	20368,5	81625,8	28	32	25,24	41,07	57,20
Tổng giá trị sản xuất	23487	49600,4	142698,2	15,5	23	100,00	100,00	100,00

5.5. Quy hoạch Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực

5.5.1 Quy hoạch Giáo dục : Về cơ bản, xã đã có hệ thống các trường học bao gồm mầm non, tiểu học và trung học cơ sở khang trang, trong đó trường tiểu học đã đạt chuẩn quốc gia mức 1; Trường THCS đã được công nhận chuẩn quốc gia đầu năm 2007. Diện tích đất đai cho các trường hiện nay về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu cho phát triển các trường này, trong giai đoạn quy hoạch không cần mở rộng. Trong giai đoạn từ 2008-2010 số lượng học sinh các trường sẽ còn tăng nhẹ, sau đó sẽ ổn định ở giai đoạn 2010 - 2015 và giảm nhẹ ở giai đoạn 2015 đến 2020. Mặc dù qui mô dân số trong các giai đoạn này vẫn tăng, nhưng cơ cấu dân số sẽ có chiều hướng thay đổi theo hướng giảm tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học và tăng trong độ tuổi lao động. Do vậy, đối với từng cấp học, qui hoạch được thực hiện như sau:

- Trường mầm non: Từ nay đến 2010 tu sửa và xây mới 2 lớp mầm non. Phân đầu giai đoạn sau năm 2010 đưa 100% số cháu đến tuổi tới lớp, 100% giáo viên đạt chuẩn. Phân đầu đến 2010 đạt chuẩn quốc gia.

- Trường tiểu học: Từ nay đến 2010 tu sửa và xây mới trường tiểu học khu B nhằm đảm bảo cho yêu cầu dạy và học cho giai đoạn qui hoạch. Địa phương cần tiếp tục quan tâm hơn nữa cho công tác giáo dục của Nhà trường, duy trì thành tích phổ cập giáo dục tiểu học với tỷ lệ 100% số trẻ em trong tuổi tới trường. Duy trì tỷ lệ lên lớp và chuyển cấp đạt 100%. Phân đầu đạt chuẩn quốc gia mức 2 vào năm 2008.

- Cấp trung học cơ sở: Do 100% số phòng học của trường đã được xây dựng kiên cố, do đó trong giai đoạn qui hoạch đến năm 2010, tầm nhìn 2020 nên trong giai đoạn này không cần đầu tư xây dựng mới mà chỉ có các hoạt động tu sửa và bảo trì hàng năm. Phân đầu đến 2010 đạt chuẩn quốc gia.

- Cấp trung học phổ thông: phát triển theo hướng xã hội hóa giáo dục, sẽ xây dựng trường PTTH tư thục Bình Yên.

5.5.2. Phát triển nguồn nhân lực

- Từng bước xây dựng trung tâm dạy nghề tại khu Khoang Rằm với diện tích 4 ha. (dự án nằm trong qui hoạch của huyện Thạch Thất). Trước mắt đầu tư mở lớp dạy nghề để đào tạo nghề phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Nghiên cứu giới thiệu việc làm, phối hợp tuyển chọn với đào tạo nghề cho người lao động. Giải quyết việc làm (về cơ bản) cho 1500 lao động bị thu hồi đất bằng cách ưu tiên tạo điều kiện cho lao động bị thu hồi đất được học nghề, được giới thiệu việc làm, được buôn bán, làm việc trong các trung tâm thương mại và cụm công nghiệp tập trung .

5.6. Quy hoạch phát triển Y tế.

Các chỉ tiêu cần đạt được trong giai đoạn quy hoạch:

- Phân đầu đạt chuẩn quốc gia năm 2008.
- Phân đầu không để xảy ra bệnh dịch tả, dịch hạch, sốt xuất huyết và thanh toán bệnh bại liệt, uốn ván, và các dịch bệnh khác.
- 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng bại liệt, uốn ván, ho gà, viêm gan B và các bệnh khác ở trẻ em.
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng mỗi năm 2%, giảm tỷ lệ sinh thô mỗi năm là 2‰, đến năm 2010 còn 1,0% và đến 2015 còn 0,8%.
- Xây dựng bổ sung thêm trạm y tế; Cùng với cơ sở vật chất của trạm y tế đã được đầu tư xây dựng kiên cố, các trang thiết bị và đội ngũ cán bộ y tế địa phương khá đầy đủ là điều kiện cần và đủ để phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân địa phương. Trong thời gian qui hoạch trước mắt từ nay đến năm 2010, địa phương cần đầu tư trang thiết bị đúng như đã dự toán. Tuy nhiên, do tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực y tế và nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhân dân ngày càng cao đòi hỏi sau năm 2010 cần có sự đầu tư về trang thiết bị nhằm nâng cấp các dụng cụ y tế cho trạm xá.

Hơn nữa theo quy hoạch đến năm 2010 của huyện Thạch Thất tại xã Bình Yên sẽ xây dựng 1 bệnh viện khu vực. Đây là điều kiện thuận lợi để người dân trong xã có điều kiện được chăm sóc sức khỏe tốt hơn.

5.7. Quy hoạch phát triển Văn hoá, Thể thao

Về văn hóa:

- Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, khai thác triệt để hệ thống truyền thanh hiện có trong việc tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở thộ, cụm dân cư. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 đạt 85% số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, có thêm 4 làng được công nhận làng văn hóa. Đến 2015 cả 9 làng được công nhận làng văn hóa, trong đó có làng được công nhận là làng văn hóa cấp tỉnh.
- Xây dựng mới 4 nhà văn hóa thôn ; Sửa chữa và nâng cấp các nhà văn hoá đã xuống cấp
- Nâng cấp và sử chữa các cơ sở văn hoá (đình, chùa) các thôn trong xã đã xuống cấp.
- Thường xuyên phối hợp với các ngành làm tốt công tác kiểm tra các hoạt động văn hóa, đấu tranh ngăn chặn kịp thời các tệ nạn xã hội; Tổ chức mỗi năm 1 đến 2 đợt hoạt động văn hóa, văn nghệ ở cơ sở để xây dựng phong trào

Về thể dục thể thao:

- Xây dựng sân thể thao trung tâm xã ở khu Cửa chùa với diện tích 2 ha.
- Xây dựng thêm 7 điểm hoạt động thể thao ở cơ sở, bảo đảm mỗi thôn có 1 điểm hoạt động thể thao cho người dân nhằm phát huy và giữ vững phong trào quần chúng tham gia các hoạt động thể dục thể thao, đặc biệt các phong trào cầu lông, bóng chuyền, bóng đá nữ, chạy việt dã.

Văn hoá tâm linh : Xây dựng mới nghĩa trang Bình Yên, diện tích 4,6 ha trên khu vực Đồi Điền thôn Vân Lôi.

5.8 Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của xã đến năm 2015 quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo hướng sau:

• Quy hoạch phát triển giao thông

- + Mở mới tuyến từ tỉnh lộ 420 qua khu đầu giá vào điểm công nghiệp Đồng Sai: dài 1100m, rộng 14m .
- + Đường từ khu Bên đồi đến Đồi Bà Nghiện: dài 550m, rộng 10m .
- + Mở mới tuyến từ khu đô thị - qua địa phận thôn Cánh Chủ - Sen Trì - Trường Tiểu học – nối với tỉnh lộ 420. (xã đầu tư) (Đường vào khu đô thị) dài 650m, rộng 14 m (năm 2008).
- + Mở mới tuyến đường Lại Thượng- Bình Yên- Quốc lộ 21A: dài 3900m, rộng 7m (từ 2006 đến năm 2010) và lên 24m (từ 2010 đến 2015).
- + Mở rộng tỉnh lộ 420: dài 5540 m, lên chiều rộng 14 đến năm 2010 và 32m đến năm 2015.
- + Mở rộng và bê tông hoá các tuyến đường liên thôn: khoảng 7 km
- + Mở mới tuyến từ Khu dự án – Xóm Đồi - Lỗ sụ thôn Phúc tiến - nối với tỉnh lộ 420. (xã đầu tư); Dài 330 m, rộng 10m (năm 2010).
- + Mở rộng đường tỉnh lộ 420 từ 7m lên 14 m dài 5540m
- + Mở rộng đường Cẩm yên - Đồng trúc, dài 1000 m hiện tại rộng 7 m lên 24m
- + Làm đường nội bộ khu dân cư mới.
- + Mở rộng và bê tông hóa hệ thống giao thông trong các thôn hiện nay.

Hệ thống đường nội đồng hiện nay chủ yếu là đường đất, trong giai đoạn quy hoạch đến năm 2010 cần cải tạo cấp phối nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp, bề rộng mặt đường 2-3 m.

- **Quy hoạch phát triển thủy lợi.**

Xây dựng mới 5 km kênh mương nội đồng (Xã đầu tư 3 km, Huyện đầu tư 2 km) ; kiên cố hóa hệ thống kênh mương hiện có, 2,8 km kênh đã được kiên cố hóa thì trong giai đoạn quy hoạch chủ yếu bảo dưỡng, chống xuống cấp và khai thác cho có hiệu quả.

Trong giai đoạn quy hoạch cần cải tạo hệ thống hệ thống tưới, tiêu cho khu vực chuyển đổi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng đập tràn Linh Sơn phục vụ sản xuất của nhân dân.

Thực hiện tu sửa nâng công suất 2 trạm bơm tưới Bình Yên 1 và Bình Yên 2.(Huyện đầu tư).

- **Quy hoạch phát triển mạng lưới điện.**

Mặc dù hệ thống mạng điện hiện nay mới được cải tạo, nâng cấp, đang đủ cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất, nhưng hệ thống điện chiếu sáng công cộng chưa đủ, do đó trong giai đoạn quy hoạch cần đầu tư hoàn thiện hệ thống đường điện sinh hoạt và chiếu sáng công cộng trong các thôn xóm.

Xây dựng thêm 2 trạm biến áp cho các điểm công nghiệp và khu dân cư.

- **Quy hoạch phát triển cấp thoát nước sinh hoạt**

Về cấp nước: trong giai đoạn quy hoạch xây dựng trạm cấp nước sạch cho nhân dân các thôn và có mạng lưới đường ống dẫn đến các cụm dân cư và các hộ sẽ tự đầu tư để kéo nước về đến nhà.

Về thoát nước: Trong giai đoạn quy hoạch từ nay đến 2015 đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải và nước mưa trong khu dân cư. Thiết kế hệ thống thoát nước kín kết hợp 2 bên đường giao thông trong thôn xóm để tránh gây ô nhiễm môi trường, tách riêng hệ thống nước thải sinh hoạt và hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước thải ở các điểm công nghiệp cần được xây dựng và có hệ thống xử lý riêng theo quy định.

- **Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông**

Ngoài hệ thống bưu chính viễn thông hiện có, để đáp ứng nhu cầu thông tin chung của xã cần mở rộng việc lắp đặt điện thoại cố định cho các hộ gia đình, phần đầu đến 2010 có 17 máy điện thoại/ 100 người và đến 2020 là 29 máy/ 100 người theo như mục tiêu phấn đấu của huyện⁷.

⁷ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thạch Thất đến năm 2010, định hướng đến 2020. tr.66

- **Các công trình khác:**

Xây dựng 3 bãi tập kết rác tại 3 khu vực: ở Khoang Rùa với diện tích 0,2 ha, ở Lò vôi với diện tích 0,15 ha và ở khu Ngõ Len với diện tích 0,15ha.

5.9. Phương án tổ chức không gian kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất và bảo vệ môi trường

5.9.1. Quy hoạch phát triển không gian kinh tế xã hội.

Trên địa bàn xã Bình Yên không gian kinh tế xã hội trong giai đoạn quy hoạch sẽ được bố trí phát triển theo hướng sau đây:

+ Vùng phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Ngoài diện tích được quy hoạch cho phát triển khu công nghệ cao theo quy hoạch của Nhà nước, các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của xã sẽ được bố trí ở khu vực Láng Sóc, Vườn chuối thôn Yên Mỹ với tổng diện tích 51,16 ha (đến 2015) để thu hút phát triển một số ngành công nghiệp kim khí và chế biến gỗ, dệt may. Trong khu vực này có 1 cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với diện tích 10 ha (theo quy hoạch của huyện); Cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng sẽ tiếp tục duy trì ở quy mô như hiện tại. Những ngành nghề tiểu thủ công nghiệp hiện nay đang sản xuất xen kẽ trong các khu dân cư sẽ được thu hút vào cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung của xã, để hạn chế gây ô nhiễm môi trường. Trước mắt sẽ xây dựng Công ty may Bình Yên, diện tích 5,3 ha trên khu vực Đồi Đóm, Vân Lôi (Năm 2008 khởi công).

+ Vùng phát triển thương mại dịch vụ sẽ được bố trí ở một số địa điểm sau: Hình thành trung tâm thương mại số 1 tại khu Đồng Lộc, thôn Hòa Lạc với diện tích 4,9 ha. Đây là khu trung tâm thương mại dịch vụ chính của xã để phục vụ cho đời sống và sản xuất của khu công nghệ cao Hòa Lạc và khu đô thị. Trung tâm thương mại số 2 tại Gò Kép (thôn Thái Bình) và Rộc Đình (thôn Cánh Chủ) với diện tích 2 ha sẽ được bố trí ưu tiên giải quyết việc làm cho những hộ gia đình bị thu hồi đất, chuyển đổi nghề nghiệp.

Hình thành khu dịch vụ nhà ở trong khu vực khu đô thị 131 ha.

Ngoài ra trên các trục đường chính của xã (đường 420 và 21A) sẽ bố trí phát triển dịch vụ phục vụ cho khu đô thị và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

+ Khu vực phát triển nông nghiệp:

Trên phần diện tích đất nông nghiệp còn lại trong giai đoạn 2008-2015 sẽ được bố trí phát triển theo hướng sau:

- Khu vực chăn nuôi tập trung : Được bố trí tại khu vực Đồi Gỏi, Khoảng 1 (thôn Sen trì, thôn Yên Mỹ, bắt đầu từ Khu chăn nuôi hộ gia đình bà Đỗ thị Hương); Dự án chăn nuôi và trồng hoa lan xuất khẩu tại thôn Phúc tiến, Đồi Sen..

- Các cánh đồng rau sạch được bố trí ở khu vực ven sông của các thôn Yên Mỹ, Cánh Chủ, Sen Trì và Linh Sơn.

- Khu vực chuyển đổi các mô hình lúa- cá bố trí ở các khu vực Lỗ sù, Lỗ Mỹ thôn Yên Mỹ; Khoảng Sỏi, Giếng hòm thôn Đồi sen; Khoảng Dong, Chuôm Mạch.

- Cánh đồng lúa cao sản: Được bố trí tại khu vực cánh đồng Ngà giang thôn Yên mỹ ; cánh đồng Cửa chùa thôn Phúc tiến.

+ Khu dân cư nông thôn: Phát triển nông thôn theo xu hướng đô thị hóa;

- Các khu dân cư nông thôn thuộc các thôn cũ trong giai đoạn quy hoạch cần được quy hoạch cải tạo hệ thống giao thông (đường ngõ) và tính đến hệ thống thoát nước, thu gom rác thải và vệ sinh môi trường. Cần thay đổi về đời sống văn hoá, tập quán theo kiểu đô thị. Cần hiện đại hoá cơ sở hạ tầng để thực hiện chiến lược đô thị hoá nông thôn.

- Khu Dân cư mới bao gồm đất giãn dân 21,26 ha trên địa bàn Gò Vàng, Cống Vông, Đồng Sen, Đồi Đóm, Đồng Lọc, Đồng Ao, Lỗ Gạch, Sau Chùa, Gò Kép, Cầu Sãi, Đồi Dâu, Góc Châu, Đà Sen, Đà Diu, đất phục vụ tái định cư ở khu vực Đồi Dâu là 2,1 ha.; Đất đấu giá quyền sử dụng đất 11,38 ha (trên địa bàn Đồi Bến, Lỗ sù, Lỗ sen) cần được quy hoạch bài bản về cơ sở hạ tầng điện, đường ngõ, dự tính đến hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Định hướng xây dựng cho nhân dân và dần tiến đến việc cấp phép xây dựng cho các công trình mặt đường.

- Định hướng cho nhân dân xây dựng nhà ở và các công trình theo hướng đô thị hoá (hiện đại và bền vững).

+ Phát triển đô thị

Khu đô thị Bình Yên 1 với diện tích 131 ha phát triển theo quy hoạch của huyện.

Đô thị Lại Thượng – Bình Yên trên các khu vực: Đồi Bến, Lỗ Gạch, Đồi Gỏi, Leo Đùng, Đập Leo, Gò Găng, Giếng Thiếp, tổng diện tích đất 54 ha.

Sau năm 2015, Đô thị Bình Yên 2, là đô thị sinh thái, xã quy hoạch, diện tích khoảng 50 ha trên các khu vực Đồi Gỏi, Bãi Bằng, thôn Phúc Tiến

5.9.2. Quy hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở nhu cầu phát triển các ngành và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội của xã, điều chỉnh không gian kinh tế của xã trong giai đoạn quy hoạch từ 2006 đến năm 2015 dự kiến quy hoạch sử dụng đất của xã theo hướng sau:

- **Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp:**

Trong giai đoạn quy hoạch nhu cầu đất cho sản xuất nông nghiệp sẽ giảm và chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, dự kiến là 242,07 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa chuyển sang là 104,04 ha, đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 31,19 ha, đất trồng rừng sản xuất chuyển sang 104,37 ha và đất nông nghiệp khác chuyển sang là 5,48 ha.

Một số diện tích đất trồng cây hàng năm khác hiện nay kém hiệu quả sẽ được chuyển đổi sang phát triển trang trại chăn nuôi, dự kiến là 1,22 ha.

Đất lâm nghiệp giảm từ 153,01 ha năm 2006 xuống còn 50,7 ha năm 2010 và đến 2015 còn 46,36 ha. Như vậy đất lâm nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp trong giai đoạn quy hoạch là 101,37 ha (100% là đất chuyển đổi mục đích là rừng sản xuất).

Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định như hiện nay là 9,01 ha.

Đất nông nghiệp khác giảm từ 5,48 ha năm 2006 xuống còn 3,5 ha năm 2010 và duy trì ổn định trong những năm tiếp theo..

Như vậy tổng diện tích đất nông nghiệp đến năm 2010 còn là 289,34 ha, đến 2015 là 239,83 ha, đến 2020 đất nông nghiệp còn khoảng 189,83 ha (do xây dựng đô thị Bình yên 2)

- **Quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp**

- + **Đất ở:**

Đất đô thị: Dự kiến xây dựng khu đô thị Bình yên 1 (dịch vụ du lịch và nhà ở) với diện tích 130,33 ha, lấy từ đất lúa 27,5ha, từ đất trồng rừng sản xuất 89,05 ha, từ đất giao thông 7,25 ha và từ đất có mặt nước chuyên dùng 6,53 ha. Khu đô thị Lại Thượng – Bình Yên : 54 ha (từ 2008 đến 2015); Khu đô thị Bình Yên 2: 50 ha (sau 2015).

Đất ở nông thôn: Trong giai đoạn quy hoạch đất ở sẽ tăng lên. Nhu cầu đất ở đến 2015 tăng thêm 21,26 ha, toàn bộ là đất giãn dân. Tổng diện tích đất ở nông thôn đến năm 2010 là 127,13 ha và đến 2015 là 132,41 ha.

Đất đầu giá: dự kiến là 11,38 ha .

Như vậy tổng diện tích đất ở nông thôn năm 2005 là 111,15 ha, chiếm 10,41% tổng diện tích đất tự nhiên, năm 2010 là 267,46 ha, chiếm 25,06% tổng diện tích tự nhiên, đến 2015 là 274,12 ha, chiếm 25,68%. Như vậy tổng diện tích đất ở tăng thêm trong giai đoạn quy hoạch là 162,97ha.

- + **Quy hoạch đất chuyên dùng:** Trong giai đoạn quy hoạch loại đất này sẽ tăng lên mạnh để đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã.

Đất làm trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp từ 16,18 ha năm 2006 tăng lên là 16,28 ha năm 2015 (tăng 0,1 ha).

Đất an ninh quốc phòng từ 29,52 ha năm 2006 tăng lên là 29,72 ha (tăng 0,2 ha).

Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Đất cho phát triển công nghiệp năm 2006 là 269,85 ha và đến năm 2015 là 321,01 ha, tăng 51,16 ha. Đất cho cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp hiện nay là 1,8 ha và trong giai đoạn quy hoạch đến năm 2015 sẽ là 1,9 ha, tăng 0,1ha. Đất sản xuất vật liệu xây dựng giữ nguyên hiện trạng như hiện nay là 0,38 ha. Như vậy tổng diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp đến năm 2010 là 300,96 ha, đến năm 2015 là 323,29 ha.

+ Quy hoạch đất có mục đích công cộng:

Đất để phát triển giao thông trong giai đoạn quy hoạch có nhiều thay đổi, tổng nhu cầu đất cho phát triển giao thông là 28,06 ha. Như vậy tổng diện tích đất sử dụng cho giao thông đến năm 2010 là 48,07 ha và đến 2015 là 68,85 ha.

Đất thủy lợi trong giai đoạn quy hoạch sẽ giảm. Diện tích đất thủy lợi đến năm 2010 là 15,75 ha, so với hiện nay giảm 0,22 ha và giữ ổn định trong những năm tiếp theo.

Đất truyền dẫn năng lượng, truyền thông duy trì ổn định như hiện nay

Đất dùng cho cơ sở y tế đến năm 2010 tăng 3,5 ha. Tổng diện tích sử dụng cho mục đích này trong giai đoạn quy hoạch đến 2010 sẽ là 4,52ha và duy trì ổn định trong những năm tiếp theo.

Đất dùng cho cơ sở giáo dục tăng từ 3,37 ha năm 2006 lên 7,23 ha đến 2010 và duy trì ổn định

Đất sử dụng cho cơ sở thể dục thể thao tăng từ 2,17 ha năm 2006 lên 3,57 ha năm 2010 và duy trì ổn định những năm tiếp theo

Đất di tích danh lam thắng cảnh được duy trì ổn định như hiện nay.

Tổng diện tích đất bãi rác thải trong giai đoạn quy hoạch là 0,5 ha đến năm 2010 và duy trì ổn định trong những năm tới

+ Các loại đất sử dụng cho mục đích tôn giáo tín ngưỡng, đất nghĩa trang nghĩa địa sẽ được duy trì ổn định như hiện nay.

+ Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng sẽ giảm từ 83,06 ha năm 2006 xuống còn 76,41ha năm 2010 và đến năm 2015 còn 76,15 ha.

- Đất chưa sử dụng: hiện nay còn 6,54 ha, trong giai đoạn quy hoạch sẽ đưa vào sử dụng (đất ở dân dân và đầu tư làm dịch vụ 5,64 ha), và đến năm 2010 chỉ còn lại 0,9 ha và duy trì trong những năm tiếp theo.

Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2015 của xã Bình Yên được phản ánh trong bảng 33 .

Bảng số 33. Quy hoạch sử dụng đất xã Bình Yên giai đoạn 2006- 2015

TT	Loại đất	Năm 2006		Năm 2010		Năm 2015	
		ha	%	ha	%	ha	%
	Tổng DT tự nhiên	1067,3	100,0	1067,3	100,0	1067,3	100,0
1	Đất nông nghiệp	479,40	44,92	289,34	27,11	239,83	22,47
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	311,90	29,22	223,13	20,91	177,96	16,67
	Đất cây hàng năm	300,32	28,14	211,55	19,82	166,38	15,59
	Đất chuyên trồng lúa	261,66	24,53	188,67	17,68	157,62	14,77
	Đất cây hàng năm khác	38,66	3,62	22,88	2,14	8,76	0,82
1.2	Đất cây lâu năm	11,58	1,08	11,58	1,08	11,58	1,08
1.3	Đất lâm nghiệp (Rừng SX)	153,01	14,34	53,70	5,03	49,36	4,62
1.4	Mặt nước nuôi trồng thủy sản	9,01	0,84	9,01	0,84	9,01	0,84
1.5	Đất nông nghiệp khác	5,48	0,51	3,5	0,33	3,5	0,33
2	Đất phi nông nghiệp	581,34	54,47	777,04	72,81	826,56	77,44
2.1	Đất ở	111,15	10,41	267,46	25,06	274,12	25,68
	Đất ở đô thị			130,33	12,21	130,33	12,21
	Đất ở nông thôn	111,15	10,41	127,13	11,91	132,41	12,41
	Đất đầu giá	0	0	10,00	0,94	11,38	1,07
2.2	Đất chuyên dùng	381,62	35,76	427,67	40,07	470,78	44,11
	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	16,18	1,52	16,28	1,53	16,28	1,53
	Đất an ninh quốc phòng	29,52	2,77	29,72	2,78	29,72	2,78
	Đất SXKD phi nông nghiệp	272,03	25,49	300,96	28,20	323,29	30,29
	Đất có mục đích công cộng	63,89	5,99	80,71	7,56	101,49	9,51
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	1,5	0,14	1,5	0,14	1,5	0,15
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	4,01	0,38	4,01	0,38	4,01	0,38
2.5	Sông suối mặt nước CD	83,06	7,78	76,41	7,16	76,15	7,13
3	Đất chưa sử dụng	6,54	0,61	0,90	0,08	0,90	0,08

5.9.3. Quy hoạch cải tạo và bảo vệ môi trường.

Hiện nay nhiều ao hồ của xã được sử dụng để tạm điều hòa hệ thống nước thải đang bị nông dân và thu hẹp. Trong giai đoạn quy hoạch cần nạo vét hệ thống ao hồ này và không cho nước thải sinh hoạt chảy vào các ao hồ mà chỉ để chứa nước mưa, tránh gây thêm ô nhiễm và có thể khai thác sử dụng ao hồ để phát triển nuôi cá.

Khả năng đô thị hóa của Bình Yên càng cao bao nhiêu thì nguy cơ ô nhiễm nước thải cũng sẽ cao bấy nhiêu.

Hệ thống thoát nước hiện nay của xã nhiều nơi bị san lấp và nông dân nên tạo nên những điểm nước tù đọng gây ô nhiễm cho khu vực xung quanh, cần được nạo vét và cống hóa để không gây nên ô nhiễm và thoát nước tốt hơn. Đồng thời xây dựng mỗi thôn 1 khu vực xử lý nước thải trước khi đổ nước thải ra hệ thống kênh thoát nước chung là cấp bách.

VI- DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VÀ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM ĐẦU TƯ

6.1. Công trình hạ tầng kỹ thuật

- Mở mới tuyến từ tỉnh lộ 420 qua khu đầu giá vào điểm công nghiệp Đồng Sai, dài 1100m, rộng 14m. Xã đầu tư, dự kiến 3 tỷ đồng.
- Đường từ khu Bên đồi đến Đồi Bà Nghiện: dài 550m, rộng 10m. Xã đầu tư, dự kiến 1 tỷ đồng
- Mở mới tuyến từ khu đô thị - qua địa phận thôn Cánh Chủ - Sen Trì - Trường Tiểu học – nối với tỉnh lộ 420. (Đường vào khu đô thị) dài 650m, rộng 14m (năm 2008). Xã đầu tư, dự kiến 3 tỷ đồng.
- Mở mới tuyến đường Lại Thượng- Bình Yên- Quốc lộ 21A: dài 3900m, rộng 7m (từ 2008 đến năm 2010) và lên 24m (từ 2010 đến 2015, Tỉnh QH và đầu tư).
- Mở rộng tỉnh lộ 420: dài 5540 m, lên chiều rộng 14 đến năm 2010 và 32m đến năm 2015. (Tỉnh QH và đầu tư)
- Mở rộng và bê tông hoá các tuyến đường liên thôn: khoảng 7 km Xã đầu tư, dự kiến 7 tỷ đồng
- Mở mới tuyến từ Khu dự án – Xóm Đồi - Lỗ sụ thôn Phúc tiến - nối với tỉnh lộ 420. (xã đầu tư); Dài 330 m, rộng 10m (năm 2010).Xã đầu tư, dự kiến 3 tỷ đồng
- Mở rộng đường tỉnh lộ 420 từ 7m lên 14 m dài 5540m
- Mở rộng đường Cẩm yên - Đồng trúc, dài 1000 m hiện tại rộng 7 m lên 24m
- Làm đường nội bộ khu dân cư mới.Xã đầu tư, dự kiến 3 tỷ đồng.

- Mở rộng và bê tông hóa hệ thống giao thông trong các thôn hiện nay Bê tông hoá 7 km đường liên thôn (xã đầu tư, kinh phí dự toán : 7 tỷ đồng)

- Xây dựng 3 bãi rác tại 3 khu vực: ở Khoang Rùa với diện tích 0,2 ha, ở Lò vôi với diện tích 0,15 ha và ở khu Ngõ Len với diện tích 0,15ha. kinh phí dự toán : 150 triệu đồng

- Cải tạo Hồ Linh Kiên phục vụ giải trí cho khu đô thị (Dự án của Tỉnh)

6.2. Công nghiệp

- Xây dựng cơ sở hạ tầng cho điểm tiêu thụ công nghiệp : Xây dựng thêm 2 trạm biến áp cho các điểm công nghiệp và khu dân cư. kinh phí dự toán : 1 tỷ đồng

- Xây dựng công ty may Bình Yên kinh phí dự toán : 1 tỷ đồng

6.3. Nông nghiệp

- Xây dựng mới 5 km kênh mương nội đồng (Xã đầu tư 3 km, kinh phí dự toán : Huyện đầu tư 2 km)

- Xây dựng đập tràn Linh sơn (Nhà nước đầu tư nâng cấp 10,9 tỷ đồng)

- Nâng công suất 2 trạm bơm tưới Bình Yên 1 và Bình Yên 2 (Huyện đầu tư).

6.4. Thương mại dịch vụ

Xây dựng cơ sở hạ tầng cho 2 trung tâm thương mại dịch vụ, kinh phí dự toán : 30 tỷ đồng

6.5. Văn hoá - Y tế - Giáo dục

- Xây dựng mới Trạm y tế xã, kinh phí dự toán : 500 triệu đồng

- Bổ sung và Xây dựng mới trường tiểu học khu A; Sửa chữa, nâng cấp trường tiểu học khu B, kinh phí dự toán : 1,5 tỷ đồng.

- Nâng cấp và xây dựng mới 2 lớp mầm non, kinh phí dự toán : 700 triệu đồng

- Xây dựng mới 4 nhà văn hoá thôn; Sửa chữa và nâng cấp các nhà văn hoá đã xuống cấp, kinh phí dự toán : 2 tỷ đồng.

- Nâng cấp và sửa chữa các cơ sở văn hoá (đình, chùa) các thôn trong xã đã xuống cấp, kinh phí dự toán : 500 triệu đồng.

- Xây dựng Trường PTTH Tư thục Phú Bình

- Xây dựng sân thể thao trung tâm xã ở khu Cửa chùa với diện tích 2 ha và 7 điểm hoạt động thể thao ở cơ sở, kinh phí dự toán : 1,5 tỷ đồng

6.6. Văn hóa Tâm linh : Xây dựng nghĩa trang Bình Yên

Tổng kinh phí dự toán trong thời kỳ quy hoạch : từ 58 đến 60 tỷ đồng.

PHẦN THỨ BA

NHỮNG GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ BÌNH YÊN ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

1. Giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phương án quy hoạch

Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò các tổ chức quần chúng : Để phương án quy hoạch có thể trở thành hiện thực thì công tác lãnh đạo của Đảng phải thật sự quyết liệt. Các tổ chức đoàn thể như : Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân, Hội phụ nữ và các hiệp hội khác phải thật sự vào cuộc. Cán bộ, đảng viên phải thật sự nắm vững các chủ trương của Đảng bộ xã, của chi bộ mình trong từng thời kỳ, thật sự gương mẫu đi đầu trong mọi công tác. Nội dung quy hoạch cần được công bố công khai cho cán bộ và nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải nắm vững nội dung quy hoạch và giải thích cho quần chúng hiểu rõ những nội dung của quy hoạch.

Phối hợp chặt chẽ sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền : Đảng và chính quyền cần có sự phối hợp rất chặt chẽ với nhau trong lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện. Trong công tác lãnh đạo chúng ta vẫn phân chia thành các nội dung công việc và giao công việc cho đúng tổ chức, đúng người có khả năng thực hiện, tuy nhiên để có hiệu quả cao cần làm việc này một cách dân chủ hơn. Những nội dung mà ta cần quan tâm bao gồm: công tác dân số - y tế và giáo dục; Công tác phát triển kinh tế; công tác quản lý đất đai; công tác an ninh xã hội... Công tác phát triển kinh tế cần được coi là trọng tâm, trong đó các nội dung phát triển công nghiệp-xây dựng, nông nghiệp-thủy sản, thương mại -dịch vụ cần được gắn kết với nhau.

Tăng cường công tác đối ngoại : Công tác đối ngoại là rất quan trọng nhằm tận dụng những lợi thế vô hình rất to lớn, đặc biệt là với các cấp lãnh đạo huyện, tỉnh. Cần có cách để lãnh đạo huyện nhớ được những chủ trương cơ bản của quy hoạch xã để lãnh đạo có biện pháp giúp đỡ khi có điều kiện.

Tổ chức các hiệp hội sản xuất kinh doanh: Việc hình thành và hoạt động của các hiệp hội là rất cần thiết để liên kết trong hoạt động kinh doanh, trao đổi kinh nghiệm và là điều kiện để kiểm soát trên tầm vĩ mô tạo hiệu quả cao cho xã hội và từng cá nhân. Tuy nhiên nó chỉ hình thành khi mọi cá nhân nhận thức rõ vai trò của nó và nó phát triển khi nó đã ít nhiều mang lại lợi ích cụ thể cho xã và cho các thành viên. Bước đầu Đảng cần đứng ra tổ chức các hội nghị trao đổi kinh nghiệm, tạo diễn đàn để

nắm bắt tư tưởng của những thành viên, trước hết là làm cơ sở cho việc xây dựng các nghị quyết của đảng, sau đó định hướng đi đến hình thành hội. Khi đã hình thành hội, cần xây dựng mục đích, quy chế hoạt động của hội. Trong một vài năm tới xã cần hình thành các hiệp hội như: hội những người làm mô hình trang trại; hội những người làm cây cảnh; hội những người buôn bán; hội những người làm nghề xay xát gạo; hội công-nông-thương ...

Phát huy quy chế dân chủ trong Đảng và trong dân: Quy chế dân chủ cần phải được phát huy tối đa trong thời gian tới. Mọi vấn đề phải được dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, Đảng lãnh đạo toàn diện, chính quyền tạo điều kiện về mặt pháp lý. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là Đảng và chính quyền can thiệp vào công việc chuyên môn của các hiệp hội. Việc hình thành cũng như trong quá trình hoạt động của các hiệp hội cần tôn trọng tuyệt đối quy chế dân chủ.

Tổng kết và rút kinh nghiệm thường xuyên: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần có tổng kết đánh giá hàng quý, hàng năm. Cần thận trọng từng bước, tránh tư tưởng nóng vội đồng thời cũng tránh tư tưởng cầu toàn dẫn đến mọi việc đều chậm trễ.

2. Những giải pháp nhằm huy động các nguồn lực, tạo vốn đầu tư

Huy động tối đa nguồn lực sẵn có: Nguồn lao động, vốn đầu tư quan trọng nhất và cơ bản nhất là từ trong dân. Trong nhận thức hiện nay chúng ta chưa đánh giá đúng và đầy đủ chất lượng nguồn lao động của địa phương. Việc đánh giá này không thể chỉ căn cứ vào bằng cấp mà người lao động nhận được từ các trường lớp đào tạo mà cần chú ý đến kinh nghiệm nghề nghiệp mà người lao động tích lũy được qua nhiều năm lao động. Một cử nhân kinh tế ra trường sau 3 năm không thể bằng một chủ trang trại đã có trên 15 năm kinh nghiệm. Số chủ trang trại có trên 15 năm với nghề ở Bình yên khá nhiều, đó là nguồn nhân lực quý cần biết khai thác nó.

Tạo vốn đầu tư từ trong dân: Trong thực tế hiện nay chúng ta không biết chính xác số lượng vốn nhàn rỗi của dân trong xã cũng như khả năng huy động của nó. Nhưng kinh nghiệm ở rất nhiều địa phương cũng như ở Bình yên cho thấy nếu được dân đồng tình ủng hộ thì những công trình lớn như đường sá, đình chùa vẫn thực hiện được. Điều quan trọng nhất vẫn là phát huy quy chế dân chủ. Người dân được đầy đủ các quyền: biết rõ mục đích góp vốn, nhận thức rõ những lợi ích mà công trình đem lại, cụ thể họ được những lợi ích lớn như thế nào, bàn bạc đóng góp theo nguyên tắc nào, quản lý tiền do họ đóng góp ra sao, quản lý các công trình thế nào... Lãnh đạo Đảng và chính quyền thực sự là người tổ chức, lãnh đạo, không can thiệp vào các vấn đề tài chính.

Tận dụng tối đa nguồn vốn đi vay từ các ngân hàng: Nguồn vốn đi vay từ các ngân hàng là quan trọng nhằm đó là những quyền lợi được hưởng từ cơ chế hiện nay . Chúng ta không nên chờ ngân hàng có những ưu đãi này hay ưu đãi khác, không chờ ngân hàng kéo dài thời hạn cho vay với các khoản tiền mà chủ động tìm vốn trong dân...

3. Những giải pháp tìm kiếm và mở rộng thị trường

Nhận thức đúng nội dung tìm kiếm và mở rộng thị trường : Tìm kiếm thị trường mới và mở rộng thị trường hiện có là công việc thường xuyên và lâu dài. Tìm kiếm và mở rộng thị trường cần thực hiện theo hai hướng : (1) Tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hiện có; (2) Nghiên cứu nhu cầu thị trường nhằm phát hiện nhu cầu mới, qua đó sản xuất sản phẩm mới để đáp ứng .

Thực hiện tiếp thị nông sản chất lượng cao: Về mặt không gian địa lý cần tìm hiểu thị trường trong huyện, trong tỉnh và thị trường khu vực; Trong tương lai những sản phẩm gạo chất lượng cao, đậu tương, rau sạch ... của Bình yên cần vươn tới thị trường Hà nội, việc nghiên cứu thị trường cần có những bước đi cụ thể và những thử nghiệm mạnh dạn.

Đưa việc tìm kiếm và mở rộng thị trường vào nội dung hoạt động của các hiệp hội. Hội tổ chức cho các thành viên của mình đi tham quan du lịch, đi giao lưu, nhưng thực ra là đi nghiên cứu thị trường, đi học tập cách làm giàu.

Tăng cường quan hệ với các cấp lãnh đạo phòng ban chức năng chuyên môn của huyện, nắm bắt các thông tin thị trường từ các cấp lãnh đạo

4. Sử dụng linh hoạt các chính sách và công cụ quản lý về đất đai để thúc đẩy chuyển đổi kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.

Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người có quyền sử dụng đất là tăng cường công tác quản lý : Đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt của các ngành sản xuất nói chung và với nông nghiệp nói riêng. Để hình thành được các điểm công nghiệp, các mô hình chuyển đổi thì việc sử dụng linh hoạt các chính sách quản lý về đất đai có tính quyết định. Việc sử dụng linh hoạt ở đây cần được thông qua các cấp lãnh đạo, các đoàn thể quần chúng và nhân dân. Khi nhân dân đã đồng tình ủng hộ thì các hiện tượng khiếu kiện sẽ không có. Việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ cần được chính quyền tạo điều kiện, bảo vệ quyền lợi chính đáng của họ, không gây khó khăn cản trở và phải công khai minh bạch. Có như vậy dân mới nhờ cậy chính quyền và chính quyền mới quản lý được các mối quan hệ về đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

5. Những giải pháp nhằm thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.

Nhận thức đúng về vai trò của ứng dụng tiến bộ KHKT : Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới là điều kiện để chúng ta nhanh chóng có năng suất cây trồng, năng suất vật nuôi, năng suất lao động cao hơn là điều kiện để nâng cao hiệu quả kinh tế. Lợi ích chủ yếu mang lại cho các cơ sở sản xuất.

Tăng cường công tác thông tin KHKT: Để thúc đẩy những ứng dụng tiến bộ KHKT cần bắt đầu từ công tác thông tin. Những kênh thông tin đại chúng như tivi, đài, sách báo người dân xem hàng ngày, mỗi người có thể xem các chương trình khác nhau nhưng người là công tác thông tin văn hoá xã cần xem những chương trình nhất định liên quan đến công tác sản xuất nông nghiệp. Việc ghi lại, phổ biến lại cho bà con là cần thiết. Theo dõi thường xuyên các hoạt động nghiên cứu ứng dụng KHKT, liên hệ chặt chẽ với phòng nông nghiệp huyện, hội khuyến nông huyện, các tổ chức ứng dụng kỹ thuật mới .

Tổ chức tốt công tác triển khai ứng dụng : Các tiến bộ KHKT cần nhanh chóng ứng dụng thử, rút kinh nghiệm và nhân rộng. Cần coi các cơ sở sản xuất là những nơi ứng dụng thử. Khi triển khai cũng như tổng kết cần có những hội nghị mà Đảng và chính quyền phải đứng ra tổ chức.

6. Những giải pháp nâng cao trình độ đội ngũ lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

Vận động học nghề từ các cơ sở dạy nghề và truyền nghề trực tiếp : Để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đặc biệt là ngành chế biến gỗ thì học nghề là không thể tránh khỏi. Không nhất thiết phải qua trường lớp mà có thể học trực tiếp từ các thợ lành nghề. Việc học nghề qua trường lớp có thể ở tại địa phương có thể ở thành phố khác. Muốn đáp ứng thị trường có thể phải đi học ở nước ngoài.

Mở các lớp ngắn hạn : Trong phần giải pháp 2 chúng ta đánh giá rất cao trình độ kinh nghiệm của những chủ trang trại đã có nhiều năm trong lĩnh vực VAC, tuy nhiên việc trang bị lý luận về quản lý kinh tế, về kỹ thuật cho họ cũng rất cần thiết để hoạt động kinh doanh của họ được chắc chắn hơn. Lớp học thích hợp cho những đối tượng này là những lớp ngắn hạn, nội dung ngắn gọn về quản lý kinh tế, về kỹ thuật cơ bản.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo : Đối với những chủ trang trại chưa có nhiều kinh nghiệm cần giúp họ bằng cách tổ chức các hội nghị trao đổi, giúp họ tham quan, hỏi kinh nghiệm những chủ trang trại lâu năm, tổ chức các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật.

Tổ chức sản xuất theo kiểu chuyên môn hoá tạo dây chuyền khép kín : Để tạo ra một sản phẩm chất lượng cao cần qua nhiều công đoạn. Có những công đoạn không đòi hỏi kỹ thuật cao dành cho nhóm lao động có tay nghề thấp. Thông qua đó có thể lựa chọn những lao động có khả năng đào tạo cao hơn.

7. Giải pháp cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả bộ máy quản lý trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch.

Nâng cao trình độ cán bộ, giao đầy đủ quyền và trách nhiệm cho cán bộ : Công tác cải cách hành chính phải được thực hiện thường xuyên. Kinh tế xã hội phát triển không ngừng, các thủ tục hành chính sẽ bị lạc hậu sẽ là cản trở cho công cuộc đổi mới. Xã Bình yên cũng như nhiều xã khác trong huyện đã thực hiện cơ chế một cửa. Trong thực tế một cửa nhưng còn nhiều khâu, qua nhiều người nhiều bộ phận mà người ta vẫn gọi là “nhiều khoá”. Giải pháp ở đây là nâng cao trình độ cán bộ, giao đầy đủ quyền và trách nhiệm cho cán bộ

Tạo cơ chế kiểm tra giám sát, báo cáo thường xuyên và định kỳ cho các cấp lãnh đạo: Kiểm tra giám sát, báo cáo là một nội dung cơ bản của công tác quản lý. Vấn đề quan trọng ở đây là phải tạo được cơ chế giám sát độc lập để tránh tình trạng người giám sát và bị giám sát thông đồng với nhau... giải pháp ở đây là việc giám sát để cho nhân dân thực hiện, Đảng lãnh đạo.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN	1
PHẦN MỞ ĐẦU	2
 PHẦN THỨ NHẤT - ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BÌNH YÊN GIAI ĐOẠN 2001 – 2007	 5
I. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG VÀ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN CỦA XÃ BÌNH YÊN	 5
1.1. Điều kiện từ nhiên và tài nguyên thiên nhiên.....	5
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	7
1.3. Đánh giá chung về các nguồn lực phát triển.....	8
II- ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BÌNH YÊN GIAI ĐOẠN 2001-2007	 9
2.1. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế giai đoạn 2001-2007.....	9
2.2. Đánh giá thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật.....	20
2.3. Đánh giá thực trạng phát triển các ngành giáo dục, y tế, văn hóa – thể thao.....	21
2.4. Thực trạng đời sống, an ninh quốc phòng.....	25
2.5. Đánh giá sử dụng đất của xã Bình Yên.....	28
2.6. Đánh giá chung về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 – 2007	 31
 PHẦN THỨ HAI - QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI XÃ BÌNH YÊN ĐẾN NĂM 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020.....	 33
I- DỰ BÁO VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ BÌNH YÊN GIAI ĐOẠN 2008-2015 VÀ 2015-2020	 33
1.1. Bối cảnh phát triển kinh tế xã hội trong thập kỷ tới.....	33
1.2. Dự báo về xu thế đô thị hoá, công nghiệp hoá và hiện đại hoá.....	33
1.4. Dự báo về khả năng khai thác các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.....	 35
1.5. Dự báo về quy mô dân số và phát triển nguồn nhân lực.....	36
II- ĐÁNH GIÁ NHỮNG THẾ MẠNH VÀ NHỮNG HẠN CHẾ, THÁCH THỨC CHỦ YẾU CỦA BÌNH YÊN THỜI KỲ TỪ 2008-2010 VÀ 2011-2020	 37
2.1. Những thế mạnh chủ yếu.....	37
2.2. Những thách thức đối với Bình Yên trong thập kỷ tới.....	38
III- CÁC QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ BÌNH YÊN.....	 39
3.1. Quan điểm 1- Quy hoạch tổng thể và định hướng chiến lược phát triển Kinh tế - xã hội của xã nằm trong chiến lược phát triển Kinh tế -xã hội của Huyện.....	 39
3.2. Quan điểm 2- Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phải đi trước phù hợp với xu thế công nghiệp hoá và đô thị hoá.....	 39
3.3. Quan điểm 3- Phát triển và tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.....	40

3.4. Quan điểm 4- Phát triển toàn diện kinh tế - văn hoá - xã hội.....	40
3.5. Quan điểm 5- Các mục tiêu trong quy hoạch là định hướng cho công tác chỉ đạo của các nhà quản lý và là cơ sở thu hút kêu gọi các nhà đầu tư.	41
IV- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020	41
4.1. Phương hướng và mục tiêu tổng quát	41
4.2. Phương hướng phát triển kinh tế xã hội đến 2015, tầm nhìn đến năm 2020	41
4.3. Mục tiêu kinh tế xã hội chủ yếu đến năm 2010 và 2015, định hướng đến năm 2020.	42
V- PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH,.....	44
LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2015,.....	44
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020	44
5.1. Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và thủy sản	44
5.2. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và xây dựng	50
5.3. Quy hoạch phát triển ngành Thương mại và dịch vụ	53
5.4. Tổng hợp chung các phương án quy hoạch tổng thể ngành.....	56
5.5. Quy hoạch Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực	59
5.6. Quy hoạch phát triển Y tế.	60
5.7. Quy hoạch phát triển Văn hoá, Thể thao.....	60
5.8 Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật	61
5.9. Phương án tổ chức không gian kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất và bảo vệ môi trường	63
VI- DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VÀ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM ĐẦU TƯ	68
6.1. Công trình hạ tầng kỹ thuật	68
6.2. Công nghiệp	69
6.3. Nông nghiệp	69
6.4. Thương mại dịch vụ	69
6.5. Văn hoá - Y tế - Giáo dục	69
6.6. Văn hóa Tâm linh : Xây dựng nghĩa trang Bình Yên	69
PHẦN THỨ BA - NHỮNG GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ BÌNH YÊN ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020	70
1. Giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phương án quy hoạch	70
2. Những giải pháp nhằm huy động các nguồn lực, tạo vốn đầu tư.....	71
3. Những giải pháp tìm kiếm và mở rộng thị trường	72
4. Sử dụng linh hoạt các chính sách và công cụ quản lý về đất đai để thúc đẩy chuyển đổi kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.....	72
5. Những giải pháp nhằm thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.	73
6. Những giải pháp nâng cao trình độ đội ngũ lao động và chất lượng nguồn nhân lực.....	73
7. Giải pháp cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả bộ máy quản lý trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch.....	74